



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017** **2017 ANNUAL REPORT**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**  
**MIRAE ASSET SECURITIES (VIETNAM) LLC**

## I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION

### 1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*:  
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**  
**MIRAE ASSET SECURITIES (VIETNAM) LIMITED LIABILITY COMPANY**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 121/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 01 năm 2016  
*Incorporation and operational licence No:121/GP-UBCK issued by the State Securities Commission on 08 January 2016*
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 2,000,000,000,000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 2,000,000,000,000 VND
- Địa chỉ/*Address*: Tầng 07, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
*07<sup>th</sup> Floor, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC*
- Số điện thoại/*Telephone*: (84) 8 3910 2222
- Số fax/*Fax*: (84) 8 3910 7222
- Website: [www.masvn.com](http://www.masvn.com)

### Quá trình hình thành và phát triển/*Incorporation and development process*

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset được thành lập theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 18/12/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Ngày 8/4/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBCK chấp thuận việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("**Công ty**").  
*Mirae Asset Securities JSC was established pursuant to Decision No. 73/UBCK-GP dated 18 December 2007 of the State Securities Commission. On 8 April 2009, State Securities Commission issued Decision No. 218/QĐ-UBCK on approval of changing of name into Công ty cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("**Company**").*
- Ngày 27/2/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 109/QĐ-UBCK chấp thuận việc thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.  
Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.  
Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 8, Phòng 810, Trung tâm thương mại Daeha, 360 đường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.  
Người đứng đầu Chi nhánh: Ông Kang Moon Kyung.  
*On 27 February 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 109/QĐ-UBCK approving the establishment of the Company Branch in Hanoi.*



*Name of the Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.*

*Address of branch: 8th Floor, Room 810, Daeha Commercial Centre, 360 Kim Ma street, Ba Dinh district, Hanoi City.*

*Head of branch: Mr. Kang Moon Kyung.*

- Thành viên lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (“**TTLKCK**”) theo Quyết định số 82/GCNTVLK ngày 10/1/2008 của TTLKCK.

*Custody member at Vietnam Securities Depository (“**VSD**”) pursuant to Decision No. 82/GCNTVLK dated 10 January 2008 of VSD.*

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hà Nội theo Quyết định số 98/QD-TTGDHN ngày 14/3/2008 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

*Member of Hanoi Stock Exchange pursuant to the Decision No. 98/QD-TTGDHN dated 14 March 2008 of Hanoi Stock Exchange.*

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM theo Quyết định số 77/QD-SGDHCM ngày 19/3/2008 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh.

*Member of Ho Chi Minh Stock Exchange pursuant to the Decision No 77/QD-SGDHCM dated 19 March 2008 of Ho Chi Minh Stock Exchange.*

- Thành viên đấu thầu tại SGDCK Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận ngày 19/3/2008.

*Bidding member of tại Hanoi Stock Exchange pursuant to the Certificate dated 19 March 2008.*

- Ngày 10/7/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 411/QD-UBCK chấp thuận việc đổi tên và người đứng đầu Chi nhánh.

*Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.*

*Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Hoàng Yến.*

*On 10 July 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 411/QD-UBCK approving the change of name and head of Branch.*

*Name of Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.*

*Head of Branch: Nguyễn Hoàng Yến.*

- Ngày 28/1/2010, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số 65/QD-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội.

*Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.*

*On 28 January 2010, State Securities Commission issued the Decision No. 65/QD-UBCK approving the change of the office of Hanoi Branch.*

*Branch’s address: 4<sup>th</sup> Floor, Building No. 27 Hang Bai street, Hoan Kiem District, Hanoi.*

- Ngày 6/4/2011, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty về số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

*On 6 April 2011, State Securities Commission issued the Amended Licence No. 23/GPĐC-UBCK approving the change of the head office of the Company into 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City.*

- Ngày 12/8/2013, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật (chức danh: Tổng Giám Đốc). Theo đó, người đại diện theo pháp luật là ông Woo Young Ki.

*On 12 August 2013, State Securities Commission issued the amended Licence No. 35/GPĐC-UBCK approving the change of the legal representative (position: General Director). Accordingly, the legal representative is Mr. Woo Young Ki.*

- Ngày 15/04/2015, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

*On 15 April 2015, State Securities Commission issued the amended Licence No. 17/GPĐC-UBCK approving the change of Company name into Mirae Asset Wealth Management Securities (Vietnam) JSC.*

- Ngày 08/01/2016, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty. Theo đó Công ty được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) với chủ sở hữu duy nhất là Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. Sự kiện này là cột mốc quan trọng vì Công ty đã trở thành một trong 03 công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

*On 08 January 2016, State Securities Commission issued the Establishment and Operational Licence to the Company. The Company accordingly has been converted into Mirae Asset Wealth Management Securities (Vietnam) LLC with the sole owner – Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. This is an important event as the Company has become one of 03 securities companies with 100% foreign ownership in Vietnam.*

- Ngày 24/05/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng Việt Nam.

*On 24 May 2016, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 700bil VND.*

- Ngày 08/02/2017, Công ty được chấp thuận đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

*On 8 February 2017, the Company has been approved to change its name into Mirae Asset (Vietnam) LLC.*

- Ngày 15/06/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng Việt Nam.

*On 15 June 2017, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 2,000bil VND.*

- Ngày 20/10/2017, Công ty được chấp thuận đổi trụ sở chính đến Tầng 07, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

*On 20 October 2017, the Company has been approved to change its head office location to 07<sup>th</sup> Floor, Le Meridien building, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC*
- Ngày 11/01/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh TPHCM tại tầng 07, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

*On 11 January 2018, SSC issued licence for establishment of HCMC Branch at 07<sup>th</sup> Floor, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 01, HCMC*

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business line and business location*

- Công ty có trụ sở chính tại Số 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 02 Chi nhánh: (i) Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 8, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và (ii) Chi nhánh TP.HCM tại tầng 07, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM. Công ty được thực hiện đầy đủ 4 nghiệp vụ sau đây:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

*The Company located at No. 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City and 02 Branches: (i) Hanoi branch at 8<sup>th</sup> Floor, Building No. 27 Hang Bai street, Hoan Kiem district, Hanoi and (ii) HCMC Branch at 7<sup>th</sup> Floor, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City. The Company is permitted to engage in the following business line:*

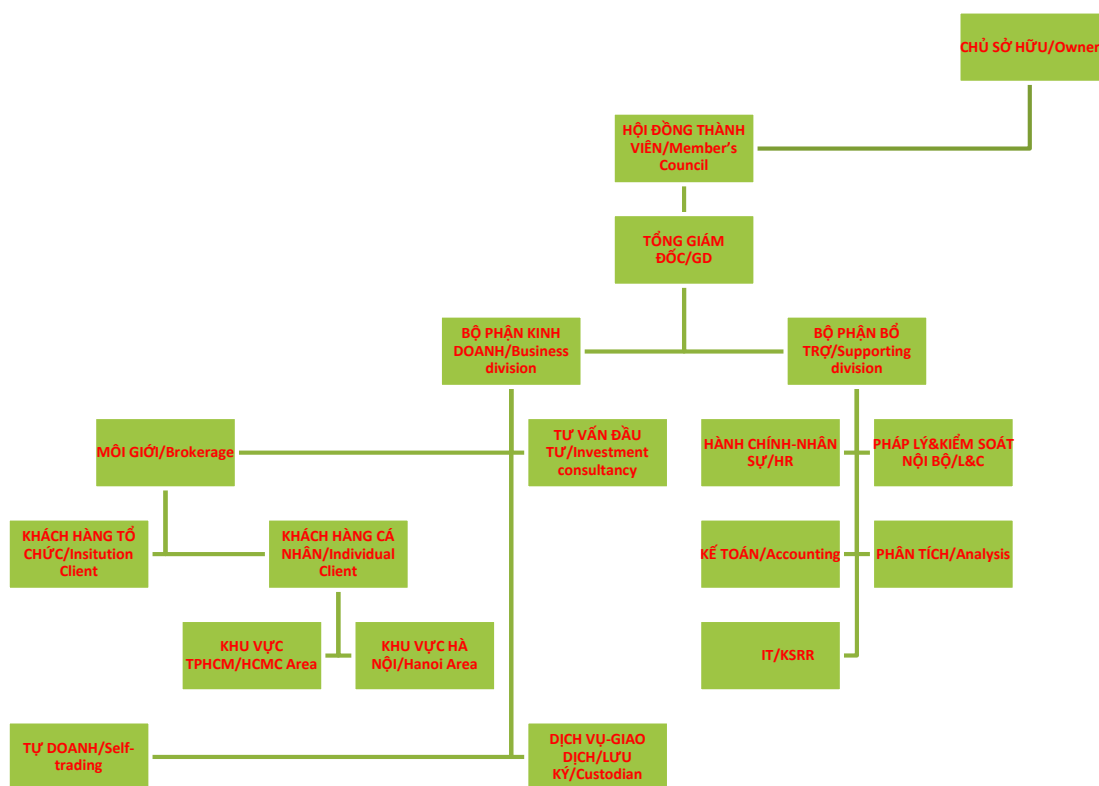
- *Securities brokerage;*
- *Securities self-trading;*
- *Underwriting issues of securities;*
- *Securities investment consultancy.*

- Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện các nghiệp vụ chính là Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán.

*The Company now mainly engages in Securities brokerage, Securities investment consultancy and securities self-trading.*

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý *Information on management and organisational structure and management system*

### **Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý (tính đến nay)/ *Management structure and organizational structure (up to present)***



### Công ty liên kết/Associated companies

Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 411022000515 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/04/2010.

1. Địa chỉ: Tòa nhà Saigon Trade Center, số 37, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM
2. Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ quản lý bất động sản
3. Vốn điều lệ thực góp và tỷ lệ góp vốn: tổng số vốn đã góp là 572.620.000 VNĐ (tương đương 14.99% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam))

*The Company has contributed capital for the establishment of Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited, a limited liability company with 02 members established and operated in accordance with the Investment Certificate No. 411022000515 issued by the Ho Chi Minh City People's Committee on 22 April 2010.*

1. Address: Saigon Trade Center Building, No. 37, Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 01, HCMC
2. Scope of business: real estate management service
3. Contributed capital and contribution ratio: the total capital has been contributed: VND 572,620,000 (equivalent to 14.99% charter capital of Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited)
4. Định hướng phát triển/Development orientations

#### 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*

- Về mục tiêu kinh doanh: Với mong muốn đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

*Business objectives: with the objective to provide the clients the best services by improvement and completion of all services of the Company.*

- Về phát triển con người: Công ty cũng chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thực sự có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, nắm bắt và đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu của khách hàng. Vì thế, đội ngũ nhân viên Bộ phận Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán được Công ty đặc biệt quan tâm. Hiện tại, nhân viên làm việc tại Bộ phận này đều đã trang bị cho mình đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ cũng như có bề dày kinh nghiệm và thâm niên trong lĩnh vực này.

*Human resources development: The Company always pays attention to recruitment and training of managers and staff who have capacity and professional ethics, to understand and satisfy all requirements of the clients. Therefore, employees of Securities brokerage and investment consultancy are focused on. Now employees working at these divisions have sufficient qualifications and certificates as well as experience in such industry.*

- Về quản lý Công ty: Trong năm qua Công ty đã cập nhật cũng như chỉnh sửa nhiều quy trình nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời cũng đang rà soát và sửa đổi quy trình liên quan đến quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tốt nhất các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc riêng của Tập đoàn và Công ty.

*Management of the Company: In a year the Company has updated and amended many professional rules, as well as reviewed and amended the risk management rules in order to ensure that the business activities of the Company comply with the laws and internal rules of the Group and the Company.*

Trên cơ sở đánh giá, phân tích kinh tế vĩ mô cũng như thị trường chứng khoán, mục tiêu chủ yếu của Công ty giai đoạn 2017-2018 là nâng cao năng lực tài chính và cải thiện năng lực cạnh tranh nhằm giữ vững vị thế và khẳng định thương hiệu của một tổ chức tài chính chuyên nghiệp.

*Based on the assessment and analysis of macro economy and securities market, the objectives of the Company in the period of 2017-2018 are increase the financial capacity and improve the competition capacity for holding position and brand name of a professional financial group.*

#### 4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long-term basis*

- Mục tiêu sắp tới là tiến hành mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

*The next objective is to expand the business activities and improve the competition capacity in the market.*



- Mở rộng phát triển khách hàng cá nhân, tìm kiếm các cơ hội đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đầu tư vào Việt Nam. Chú trọng vào đội ngũ ngân hàng đầu tư.

*Expanding and developing retail brokerage, seeking investment opportunities and supporting companies, local and foreign investors in investment in Vietnam. Focusing on investment banking team.*

## 5. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to corporate environment, society and community sustainability*

- Nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội trong việc tạo ra sự cân bằng giữa kinh doanh và sự phát triển của cộng đồng, Công ty cũng đã tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng và khuyến khích nhân viên tích cực tham gia (như vận động đóng góp từ thiện, tham gia hỗ trợ, tài trợ cho các chương trình từ thiện...). Công ty sẽ tiếp tục phát huy và tích cực nhân rộng hoạt động cộng đồng này.

*To aware the important of enterprise responsibility to the society in balancing between business and community development, the Company has organized the community activities and encouraged staff to participate in (such as charitable contribution, sponsor to charity programme, etc). The Company shall continue promoting this community activity.*

- Ngoài ra, nhằm tạo sự gắn kết và hiểu biết nhau trong cộng đồng làm việc ở Công ty, Công ty cũng tổ chức các hoạt động liên hoan, văn nghệ, dã ngoại, giao lưu giữa các thành viên trong Công ty.

*In addition, in order to create the solidarity within the working community in the Company, the Company has organized picnics, entertainment and exchange relation among the employees in the Company.*

## 6. Các rủi ro/*Risks*

- Kể từ khi thành lập đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam luôn tạo ra sự hấp dẫn thông qua những cơn sóng lớn, nhỏ ở bất cứ giai đoạn phát triển nào của nền kinh tế. Đặc tính của chứng khoán Việt Nam là thị trường mới nổi, còn non trẻ và cần nhiều thời gian để hoàn thiện, phát triển. Do đó, tâm lý nhà đầu tư dễ bị lung lay và phải luôn đối mặt với các thách thức bán tháo khi nhà đầu tư mất niềm tin vào thị trường hoặc nền kinh tế. Điều này dẫn đến nguy cơ khó gia tăng số lượng nhà đầu tư ảnh hưởng đến lợi nhuận và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

*From the establishment up to date, Vietnam stock market is always interesting due to the big and small waves in any period of economy. The features of Vietnam stock exchange are a new market and needs time to develop. Therefore, the psychology of the investors is not stable and face with the ability of selling stock quickly when they do not trust on the market or the economy. The increase of number of investors is difficult because of this issue.*

- Điểm yếu của thị trường chứng khoán Việt Nam là tính minh bạch chưa cao, nguồn tin và báo cáo còn nhiều sai lệch, chưa kể nhà đầu tư trong nước cũng còn thiếu hiểu biết cũng như kinh nghiệm đầu tư. Ngoài ra, biên độ dao động lớn sẽ là yếu tố rủi ro rất cao cho những nhà đầu tư lạm dụng đòn bẩy tài chính. Đồng thời, những rủi ro về lãi suất tăng cao và lạm phát cũng tác động không nhỏ đến các quyết định mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư. Chính điều này tạo tâm lý e ngại cho Công ty trong việc mở rộng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

*The weakness of Vietnam stock market is the transparency is low, information and reports are not correct, the local investors do not understand and lack of investment experience, etc. In addition, the significant fluctuation in trading band shall be the high risk for investors who get advantage from financial tools. This is problem that the Company should consider in expanding of services.*

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/YEARLY OPERATIONS

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh *Situation of production and business operations*

- 1.1 Năm 2017 là năm thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ. Nắm bắt cơ hội đó, trong năm 2017 Công ty đã nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, trong đó đẩy mạnh cả hoạt động môi giới, ngân hàng đầu tư và tự doanh. Do đó, Công ty đã có lợi nhuận tốt trong năm 2017.

*In 2017, the securities market has developed strongly. Catching up this opportunity, the Company has used the best effort in business operation, in which to improve the brokerage, investment banking and principal investment activities. The Company has significant profit in 2017.*

### 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation*

- Năm 2017, Công ty đã có cải thiện đáng kể đối với vấn đề vận hành hệ thống và triển khai hoạt động ngân hàng đầu tư, môi giới cá nhân, thành lập thêm chi nhánh tại TPHCM

*In 2017, the Company has the significant improvement in system operation and implementation of investment banking and retail brokerage, establishment of a branch in HCMC.*

- Trong năm 2017, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 125.181.201.015 tỷ VNĐ.  
*In 2017, the Company obtained the after tax profit around 125,181,201,015bil VND*

### 2. Tổ chức và nhân sự/*Organisation and Human resource*

#### 2.1. Danh sách Ban Điều Hành/*List of management persons*

##### i) Ông Seol Kyung Suk – Chủ tịch HĐQT

*Chuyên môn chính:*

- Cử nhân luật tại Đại học Hàn Quốc
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm & chứng khoán

#### *Kinh nghiệm nổi bật*

Ông Seol Kyung Suk có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán của tập đoàn Mirae Asset. Ông đóng góp rất nhiều trong việc cải tiến sản phẩm, quản lý vận hành và lập chiến lược marketing. Ông Seol Kyung Suk là một trong những quản lý cấp cao của tập đoàn Mirae Asset.

#### **Mr. Seol Kyung Suk – Chairman of MC**

##### *Key qualifications:*

- BA, major in law at Korean University
- Having strong experience in insurance and securities practices

##### *Selected experience*

*Mr. Seol Kyung Suk has strong experience in management of the insurance company and securities company of Mirae Asset Financial group. He has contributed in products innovation, business management and marketing strategy. Mr. Seol Kyung Suk is one of senior directors of Mirae Asset Financial group.*

#### **ii) Ông Han Won Dong – Thành viên HĐQT**

##### *Chuyên môn chính:*

- Cử nhân Khoa học chính trị và Ngoại giao tại Đại học Yonsei
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

#### *Kinh nghiệm nổi bật*

Ông Han Won Dong đã từng công tác tại Ngân hàng Standard Chartered Bank trước khi gia nhập tập đoàn Mirae Asset. Ông Han tham gia rất nhiều dự án đầu tư của tập đoàn Mirae Asset bao gồm lĩnh vực bất động sản. Ông đồng thời cũng là nhà hoạch định tài chính chuyên nghiệp của công ty chứng khoán Mirae Asset tại Hàn Quốc.

#### **Mr. Han Won Dong – Member of MC**

##### *Key qualifications:*

- BA, major in Political Science & Diplomacy at Yonsei University
- Having many years of experience in banking/finance industry

##### *Selected experience*

*Mr. Han Won Dong has been worked for Standard Chartered Bank before he becomes a member of Mirae Asset Financial group. Mr. Han has joined a lot of investment projects of Mirae Asset Financial group including real estate business. He is also the professional financial planning specialist of Mirae Asset securities company in Korea*

#### **iii) Ông Kang Moon Kyung – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc**

##### *Chuyên môn chính:*

- Cử nhân kinh tế Tại Đại học Hàn Quốc
- Đã từng tham gia thành lập các pháp nhân tại Châu Mỹ của tập đoàn Mirae Asset

### *Kinh nghiệm nổi bật*

Ông Kang Moon Kyung là Tổng giám đốc Công ty và hiện tại đang quản lý Bộ phận Kinh doanh Chứng khoán

Ông Kang Moon Kyung trước đây đã làm việc tại tập đoàn Mirae Asset - Bộ phận chiến lược và đầu tư nước ngoài tại Hàn Quốc. Bộ phận có chức năng thành lập, quản lý các pháp nhân của tập đoàn trên thế giới bao gồm Châu Âu và Châu Mỹ.

Ông Kang có kinh nghiệm sâu rộng trong việc tư vấn cho khách hàng về phát triển và thực hiện chiến lược cũng như thúc đẩy quy trình làm việc nhằm tăng hiệu quả hoạt động công ty.

Ông Kang Moon Kyung gia nhập Công ty từ những ngày đầu. Ông có kiến thức sâu rộng về hoạch định chiến lược, đầu tư chứng khoán. Ông cũng rất am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

### **Mr Kang Moon Kyung – Member of MC/CEO**

#### *Key qualifications*

- BA, major in Economic at Korean University
- Participating in setting up subsidiaries in America

#### *Selected experience*

*Mr Kang Moon Kyung is Chief Executive Officer of the Company, and currently leading Securities Business Division.*

*Mr Kang Moon Kyung has worked for Mirae Asset Financial group – Global Strategy and Investment Division in Korea. Such division will establish, manage subsidiaries around the world including Europe and America.*

*His extensive professional experience includes advising clients in the development and implementation of strategies as well as simulation of working processes to verify operational readiness.*

*His experience also includes the provision of tax and consulting services to a number of large multi-national clients with business activities in Korea. He has assisted a number of clients in setting up their business and structuring their activities efficiently for tax purposes.*

*Mr Kang Moon Kyung has joined the Company since the very initial stage and has deeply involved in establishing the company from the beginning. He has broad knowledge of strategy and investment, and also possesses an excellent knowledge of the Vietnam business environment.*

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành/*Changes in the Board of Management*

Trong năm 2017, Công ty đã có thay đổi thành viên Hội đồng Thành viên, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên: đổi từ ông Buyn Jae Sang sang Ông Min Kyung Jin
- Thành viên Hội đồng Thành Viên: đổi từ Ông Kim Dae Hwan sang Ông Shin Dong Min.

*In 2017, the members of Members' Council of the Company have been changed as below:*

- *Chairman of the Members' Council: changed from Mr. Byun Jae Sang to Mr. Min Kyung Jin*
- *Member of Members' Council: changed from Mr. Kim Dae Hwan to Mr. Shin Dong Min*

2.3. *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động/Number of staff and summary of the policies for employees*

- *Tổng số nhân viên của Công ty vào cuối năm 2017 là 82 người.  
Total employees of the Company at the end of 2017: 82 persons*
- *Chính sách đối với người lao động: các chế độ bảo hiểm theo quy định, chương trình kiểm tra sức khỏe hàng năm, chương trình đào tạo, thưởng Tết và chương trình phụ cấp chứng chỉ hành nghề cho nhân viên có chứng chỉ hành nghề.  
Policies for employees: insurance scheme, health-check every year, training programme, Tet bonus and allowance for practitioners.*

2.4. *Thay đổi thành viên Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát/Changes in members of Members' Council, Inspection Committee*

**Trong năm 2017, Công ty có sự thay đổi thành viên Hội đồng Thành viên như sau:**

*In 2017, the Company has the change in member of Members' Council, as follows:*

- *Chủ tịch Hội đồng Thành viên: đổi từ ông Buyn Jae Sang sang Ông Min Kyung Jin  
Chairman of the Members' Council: changed from Mr. Byun Jae Sang to Mr. Min Kyung Jin*
- *Thành viên Hội đồng Thành Viên: đổi từ Ông Kim Dae Hwan sang Ông Shin Dong Min.  
Member of Members' Council: changed from Mr. Kim Dae Hwan to Mr. Shin Dong Min*

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

- *Các khoản đầu tư lớn: Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.  
Significant investment: Up to date, the Company has no significant investment*
- *Công ty liên kết: như đã đề cập tại Mục I.3, Công ty có công ty liên kết do có phần vốn góp không chi phối tại Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)  
Associated company: as mentioned in Item I.3, the Company has the associated company given the non-control contribution capital at Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited*

4. *Tình hình tài chính/Financial situation*  
a) *Tình hình tài chính/Financial situation*



<b>Chỉ tiêu/Financial Figure</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>% tăng, giảm/% change</b>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	705.778.782.879	2.516.196.705.629	357%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	68.771.074.551	234.489.627.667	341%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	19.905.570.303	146.403.628.947	735%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	236.354.170	(5.745.090)	(411%)
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	20.141.924.473	146.397.883.857	727%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	20.860.663.682	125.181.201.015	500%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: N/A

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*

Các chỉ tiêu/Benchmarks	2016	2017	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/<i>Solvency ratio</i></p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Assets/Short term Debt</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short-term Asset-Inventories</u> <u>Short-term Debt</u></p>	23	6	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/<i>capital structure ratio</i></p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/total asset ratio</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>	3.5%	16.3%	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i></p> <p><input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>:</p> <p><u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/Total Assets</i>)</p>	9.7%	9.3%	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Target on Profitability</i></p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue ratio</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital ratio</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets ratio</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/Net revenue ratio</i>)</p>	30.3%	51.1%	
	3.06%	5.69%	
	2.96%	4.76%	
	28.94%	62.44%	

5. Cơ cấu sở hữu, thay đổi vốn chủ sở hữu/*Ownership structure, change in the owner's equity*

a) Vốn góp/*Contribution capital*: 2.000 tỷ/2,000bil VND

b) Chủ sở hữu/*Ownership structure*

<b>Tên chủ sở hữu/Name of owner</b>	<b>Vốn góp/Contribution capital</b>	<b>Tỷ lệ/Ratio</b>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	2000,000,000,000 VND	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*

Trong năm 2017, chủ sở hữu Công ty đã tiến hành góp thêm 1.300 tỷ VNĐ vốn điều lệ, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 2.000 tỷ VNĐ.

*In 2017, owner of the Company has contributed additional 1,300bil VND, increasing the charter capital of the Company to 2,000bil VND.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks:N/A*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities:N/A*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials: N/A*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption: N/A*

6.3. Tiêu thụ nước/*Water consumption: N/A*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có/Nil*

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wage of workers: 82*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labour policies to ensure health, safety and welfare of workers: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm y tế, v.v/periodical health-check, medical insurance, etc.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 08 giờ/năm (08 hours/year)*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skill development and continuous learning program to support worker's employment and career development: N/A*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK/*Green capital market activities under the guidance of the SSC: N/A*

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC/*REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT*

#### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Trong năm 2017, Công ty đã phát triển hoạt động tự doanh và đạt được lợi nhuận trên khoản đầu tư này. Đối với hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư, doanh số tăng so với năm trước.

*In 2017, the Company has developed the principal investment and obtained the profit in this type of investment. In relation to brokerage and investment consultancy services, the revenue has increased in comparison with last year.*

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được: hệ thống đã vận hành ổn định, doanh số tăng trong năm mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động, phát triển kinh doanh một cách bền vững.

*The Company's achievements: the system has operated smoothly, the revenue has increased in the year eventhough the securities market has fluctuation, the business has the sustainability development.*

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/*ASSESSMENT OF THE MEMBERS' COUNCIL ON THE COMPANY'S OPERATION*

Đánh giá của Hội đồng thành viên về các mặt hoạt động của Công ty/*Assessment of the Members' Council on the Company's operation*

Công ty đã hoạt động theo đúng chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Thành viên và tuân thủ quy định hiện hành về chứng khoán.

*The Company has operated in accordance with the policies, Resolutions of the Members' Council and complied with the current regulations on Securities business.*

Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty/*Assessment of the Members' Council on the Board of Director's performance*

Hội đồng thành viên cũng đánh giá cao tinh thần của Ban Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt năm 2017.

The Members' Council appreciates the performance of the Board of Directors in management of the business operation of the Company in 2017.

Các kế hoạch, định hướng của Công ty năm 2018/*Plans, orientations of the Company in 2018*

Trong năm 2018, Công ty sẽ tiến hành mở rộng hoạt động kinh doanh như tăng nhân sự môi giới và mở thêm chi nhánh. Ngoài ra, Công ty sẽ đẩy mạnh mở rộng hoạt động marketing, nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường

*In 2018, the Company shall expand its business such as increase of number of brokers and establish branch. In addition, the Company shall expand the marketing activities and improve the competition capacity in the market.*

**Auditor's Opinion**  
In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view, in all material aspects, of the financial position of the Company as at 31 December 2017, and of its results of operations and net cash flows for the year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance and the promulgation of accounting guidance for securities companies and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 2 and Appendix 4 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY: N/A**

**Other matter**  
The financial statements of the Company for the year ended 31 December 2016 were audited by another firm of auditors whose reports dated 24 March 2017 expressed an unqualified opinion on those statements.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý Kiến Kiểm toán/Auditor's opinions**

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City  
Vietnam  
Audit Report No.: 17-01-302/1

  
Trương Vĩnh Phúc  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 1901-2018-007-1

  
Trần Đình Vinh  
Practicing Auditor Registration  
Certificate No. 0339-2018-007-1



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác trong báo cáo ngày 24 tháng 3 năm 2017, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-302/1

  
Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám Đốc

  
Trần Đình Vinh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements***

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B01 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>			
	<b>100</b>		<b>2.400.901.621.113</b>	<b>574.080.523.514</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính (“TSTC”)</b>			
	<b>110</b>		<b>2.399.486.765.171</b>	<b>572.663.665.946</b>
1	111	5	40.266.170.795	152.275.399.965
1.1	111.1		766.170.795	2.875.399.965
1.2	111.2		39.500.000.000	149.400.000.000
2				
	112	7(a)	208.548.880.705	44.923.063.896
3	113	7(b)	1.027.000.000.000	94.000.000.000
4	114	7(c)	1.072.518.370.780	273.341.333.429
5	115	7(d)	15.848.204.000	7.800.000.000
6	116	8	(5.858.102.914)	(9.613.827.956)
7	117	9	39.794.737.252	8.579.201.942
7.1	117.1		134.224.200	-
7.2	117.2		39.660.513.052	8.579.201.942
8	118		127.364.500	780.861.070
9	119		560.808.208	150.478.179
10	122		680.331.845	427.155.421
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
	<b>130</b>		<b>1.414.855.942</b>	<b>1.416.857.568</b>
1	131		162.699.101	9.520.101
2	133	10(a)	1.219.190.118	1.373.554.348
3	134		2.200.000	2.200.000
4	135	16(b)	30.766.723	31.583.119
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)</b>			
	<b>200</b>		<b>115.295.084.516</b>	<b>131.698.259.365</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
	<b>210</b>		<b>91.572.618.000</b>	<b>122.872.618.000</b>
1	212		91.000.000.000	122.872.618.000
1.1	212.1	7(b)	91.000.000.000	122.300.000.000
1.2	212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>			
	<b>220</b>		<b>7.223.804.556</b>	<b>2.156.504.469</b>
1	221	11	5.959.611.205	1.681.444.633
	222		15.475.689.597	10.412.911.156
	223a		(9.516.078.392)	(8.731.466.523)
2	227	12	1.264.193.351	475.059.836
	228		9.296.422.561	8.229.447.240
	229a		(8.032.229.210)	(7.754.387.404)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>III Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>911.111.111</b>
<b>IV Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>16.498.661.960</b>	<b>5.758.025.785</b>
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.626.294.000	821.618.290
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	11.032.061.370	1.921.253.020
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	18	-	718.739.209
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14	2.840.306.590	2.296.415.266
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.516.196.705.629</b>	<b>705.778.782.879</b>
<b>C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>410.052.673.697</b>	<b>24.815.951.962</b>
<b>I Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>401.501.185.356</b>	<b>24.780.575.720</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		373.965.000.000	21.300.000.000
1.1 <i>Vay ngắn hạn</i>	312	15	373.965.000.000	21.300.000.000
2 Phải trả người bán	320		520.620.499	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16(a)	9.598.120.364	648.678.874
4 Phải trả người lao động	323		-	18.164.000
5 Chi phí phải trả	325	17	14.858.444.379	2.425.328.314
6 Doanh thu chưa thực hiện	327		303.000.000	388.404.532
7 Các khoản phải trả khác	329		2.256.000.114	-
<b>II Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>8.551.488.341</b>	<b>35.376.242</b>
1 Dự phòng phải trả dài hạn	354		35.376.242	35.376.242
2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	18	8.516.112.099	-
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.106.144.031.932</b>	<b>680.962.830.917</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.106.144.031.932</b>	<b>680.962.830.917</b>
1 Vốn góp	411		2.000.000.000.000	700.000.000.000
1.1 <i>Vốn góp</i>	411.1	19	2.000.000.000.000	700.000.000.000
2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	412		5.331.227.685	-
3 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		5.275.711.292	11.875.117
4 Quỹ dự phòng tài chính	415		5.275.711.292	11.875.117
5 Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế	417		90.261.381.663	(19.060.919.317)
5.1 <i>Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện</i>	417.1		38.796.817.976	(34.298.753.066)
5.2 <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		51.464.563.687	15.237.833.749
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.516.196.705.629</b>	<b>705.778.782.879</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY</b>				
1	Ngoại tệ các loại - USD	005	-	524.170
2	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	60.492.970.000	4.516.820.000
3	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	1.660.000	3.350.000
4	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	60.000	270.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	4.022.526.740.000	10.771.040.250.000
	<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1	3.869.828.740.000	10.755.150.250.000
	<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2	470.000.000	170.000.000
	<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	021.3	19.000.000.000	
	<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>	021.5	133.228.000.000	15.720.000.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	21.234.650.000	3.595.470.000
	<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1	18.106.750.000	3.595.470.000
	<i>b. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2	3.127.900.000	-
3	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	16.627.710.000	16.455.330.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Mã số	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)</b>			
5 Tiền gửi của khách hàng	026	257.686.229.391	44.382.597.217
5.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	115.791.004.391	37.535.042.717
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	141.895.225.000	6.847.554.500
6 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	257.686.229.391	44.382.597.217
6.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	169.315.753.575	16.959.218.234
6.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	88.370.475.816	27.423.378.983

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
Bà Nguyễn Hồng Quyên  
Kế toán viên

Người soát xét:

  
Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B02 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1	01		52.057.827.838	10.037.017.792
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.1 20(a) 12.025.560.677</i>	<i>2.167.251.798</i>
		<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.2 20(b) 37.249.332.811</i>	<i>5.877.566.124</i>
		<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.3 20(c) 2.782.934.350</i>	<i>1.992.199.870</i>
1.2	02	20(c)	63.785.260.672	19.627.605.571
1.3	03	20(c)	63.296.276.787	19.674.024.472
1.4	04	20(a)	1.166.262.315	-
1.5	06	20(d)	48.772.934.400	13.923.091.173
1.6	08	20(d)	4.065.025.758	4.332.240.263
1.7	09	20(d)	1.338.164.771	743.095.279
1.8	11	20(d)	7.875.126	434.000.000
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>			<b>234.489.627.667</b>	<b>68.771.074.550</b>
<b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1	21		1.377.024.169	799.969.626
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.1 20(a) 354.421.296</i>	<i>609.743.410</i>
		<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.2 20(b) 1.022.602.873</i>	<i>190.226.216</i>
2.2	24		2.235.243.068	11.564.029.631
2.3	27	21	55.104.683.639	20.261.092.070
2.4	30		1.593.217.095	1.160.761.437
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>			<b>60.310.167.971</b>	<b>33.785.852.764</b>
<b>III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1	42		796.434.783	269.841.681
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>			<b>796.434.783</b>	<b>269.841.681</b>
<b>IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1	51		730.000.000	110.673
<b>Cộng chi phí tài chính</b>			<b>730.000.000</b>	<b>110.673</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

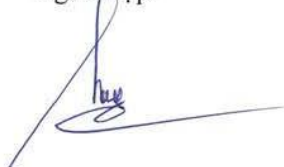
**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>V CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>23</b>	<b>27.842.265.532</b>	<b>15.349.382.494</b>
<b>VI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 – 40 + 50 - 60 - 62)</b>	<b>70</b>		<b>146.403.628.947</b>	<b>19.905.570.300</b>
<b>VII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
7.1 Thu nhập khác	71		-	253.939.830
7.2 Chi phí khác	72		5.745.090	17.585.657
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (80 = 71 - 72)</b>	<b>80</b>		<b>(5.745.090)</b>	<b>236.354.173</b>
<b>VIII TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>146.397.883.857</b>	<b>20.141.924.473</b>
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		110.171.153.919	14.454.584.564
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		36.226.729.938	5.687.339.909
<b>IX CHI PHÍ/(LỢI ÍCH) THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>26.547.910.527</b>	<b>(718.739.209)</b>
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	24	17.313.059.219	-
9.2 Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	24	9.234.851.308	(718.739.209)
<b>X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>119.849.973.330</b>	<b>20.860.663.682</b>
<b>XI THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC</b>	<b>300</b>		<b>5.331.227.685</b>	<b>-</b>
11.1 Lãi từ đánh giá lại các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	301	20(b)	5.331.227.685	-
<b>XII TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 200 + 300)</b>	<b>400</b>		<b>125.181.201.015</b>	<b>20.860.663.682</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên  
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03b – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>01</b>	<b>146.397.883.857</b>	<b>20.141.924.473</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>(26.690.269.367)</b>	<b>4.863.354.558</b>
Khấu hao và phân bổ	03	1.062.453.675	1.907.426.869
Các khoản dự phòng	04	(3.755.725.042)	9.613.827.956
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	730.000.000	-
Chi phí lãi	06	5.990.968.110	1.950.201.675
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	-	(28.900.000)
Dự thu tiền lãi	08	(30.717.966.110)	(8.579.201.942)
<b>3 Chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>1.022.602.873</b>	<b>190.226.216</b>
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	1.022.602.873	190.226.216
<b>4 Doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>(37.249.332.811)</b>	<b>(5.877.566.124)</b>
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(37.249.332.811)	(5.877.566.124)
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)</b>	<b>30</b>	<b>83.480.884.552</b>	<b>19.317.939.123</b>
(Tăng)/giảm các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(122.067.859.186)	11.921.831.237
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(901.700.000.000)	(106.300.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(799.177.037.351)	(188.258.938.063)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(8.048.204.000)	(7.800.000.000)
Tăng phải thu từ bán tài sản tài chính	35	(134.224.200)	-
Tăng/(giảm) cổ tức và tiền lãi phải thu	36	(363.345.000)	4.408.961.112
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(410.330.029)	(77.357.811)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	400.320.146	(1.075.646.452)
Tăng các tài sản khác	40	(1.782.190.429)	(12.686.166)
Tăng chi phí phải trả	41	11.666.446.918	286.838.386
Tăng chi phí trả trước	42	(8.956.444.120)	(1.159.207.079)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(10.622.160.835)	-
Tiền lãi đã trả	44	(5.224.298.963)	(1.950.201.675)
Tăng phải trả cho người bán	45	520.620.499	-
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	1.539.803.897	433.445.820
Giảm phải trả người lao động	48	(18.164.000)	(23.590.000)
Tăng/(giảm) phải trả khác	51	2.170.595.582	(636.215.472)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(1.758.725.586.519)</b>	<b>(270.924.827.040)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03b – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(5.218.642.651)	(2.456.556.911)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	62	-	28.900.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(5.218.642.651)</b>	<b>(2.427.656.911)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ việc tăng vốn	71	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	3.613.903.080.279	796.193.757.542
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(3.261.968.080.279)	(809.193.757.542)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>1.651.935.000.000</b>	<b>387.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>(112.009.229.170)</b>	<b>113.647.516.049</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>152.275.399.965</b>	<b>38.627.883.916</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>40.266.170.795</b>	<b>152.275.399.965</b>
▪ Tiền	103.1	766.170.795	2.875.399.965
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	39.500.000.000	149.400.000.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03b – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	10.770.738.225.715	3.572.822.553.600
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(13.412.888.699.314)	(3.839.298.591.800)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.855.454.105.773	252.944.763.506
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>213.303.632.174</b>	<b>(13.531.274.694)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>44.382.597.217</b>	<b>57.913.871.911</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>257.686.229.391</b>	<b>44.382.597.217</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng cuối năm</b>			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	257.686.229.391	44.382.597.217
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	115.791.004.391	37.535.042.717
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	141.895.225.000	6.847.554.500

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên  
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B04 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2017	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp	300.000.000.000	700.000.000.000	400.000.000.000	1.300.000.000.000	700.000.000.000	2.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.875.117	11.875.117	-	5.263.836.175	11.875.117	5.275.711.292
Quỹ dự phòng tài chính	11.875.117	11.875.117	-	5.263.836.175	11.875.117	5.275.711.292
(Lỗ)/lợi nhuận lũy kế	(39.921.582.999)	(19.060.919.317)	20.860.663.682	109.322.300.980	(19.060.919.317)	90.261.381.663
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(49.472.076.839)	(34.298.753.066)	15.173.323.773	73.095.571.042	(34.298.753.066)	38.796.817.976
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.546.063.721	15.023.320.604	5.877.566.125	37.249.332.811	16.423.629.846	52.272.653.415
Lỗ chưa thực hiện	(995.569.881)	214.513.145	(190.226.216)	(1.022.602.873)	(1.185.796.097)	(808.089.728)
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.102.167.235</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>420.860.663.682</b>	<b>1.419.849.973.330</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>2.100.812.804.247</b>
<b>Thu nhập toàn diện khác</b>						
Lãi từ đánh giá lại đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	5.331.227.685	-	5.331.227.685
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>260.102.167.235</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>420.860.663.682</b>	<b>1.425.181.201.015</b>	<b>680.962.830.917</b>	<b>2.106.144.031.932</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người soát xét:



Bà Nguyễn Hồng Quyên  
Kế toán viên

Bà Cao Thị Bảo Lê  
Kế toán trưởng

Ông Kang Moon Kyung  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Cơ sở thành lập**

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần gần nhất là giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 6 năm 2017 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định số 43/QĐ-UBCK ngày 11 tháng 1 năm 2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập là một chi nhánh của Công ty.

**(b) Vốn điều lệ của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn đã góp của Công ty là 2.000 tỷ VND (1/1/2017: 700 tỷ VND).

**(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(e) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 64 nhân viên (1/1/2017: 44 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua tại ngày báo cáo.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

**(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

**(iv) Cản trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

**(v) Dự phòng tài sản tài chính**

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lỗ do thay đổi giá trị hợp lý được xác định tại Thuyết minh 3(d) được ghi nhận khoản lỗ do suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay và phải thu, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

Đối với các TSTC sẵn sàng để bán, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Các khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính, chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng giảm giá được hoán đổi nếu giá thị trường chứng khoán tăng lên. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ nếu khoản dự phòng không được ghi nhận.

**(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

Một TSTC được ghi nhận theo FVTPL nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc khớp với giá trên thị trường chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý được xác định bằng các kỹ thuật định giá trong trường hợp không có giá thị trường.

Giá trị thị trường được xác định như sau:

Đối với các TSTC niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

**(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

**(f) Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay và phải thu bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, giá trị hợp lý được xác định như được trình bày tại Thuyết minh 3(d). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dừng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                       |           |
|-----------------------|-----------|
| ▪ phương tiện vận tải | 4 năm     |
| ▪ thiết bị văn phòng  | 4 - 5 năm |
- 

**(i) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn**

Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống, công cụ và dụng cụ. Chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 5 năm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết Minh 3(c), 3(d), 3(e), 3(f) và 3(g). Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cần trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(p) Doanh thu**

**(i) Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

**(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính**

Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

**(q) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(t) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### **4. Các công cụ tài chính**

##### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

###### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

###### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

##### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

***Tài sản đảm bảo***

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	40.259.270.295	152.270.241.965
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	1.027.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	1.072.518.370.780	273.341.333.429
Các khoản phải thu (ii)	39.794.737.252	8.579.201.942
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	560.808.208	150.478.179
Các khoản phải thu khác (ii)	680.331.845	427.155.421
Tạm ứng	162.699.101	9.520.101
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	91.000.000.000	122.300.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.626.294.000	821.618.290
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
	<hr/>	<hr/>
	2.277.445.018.071	654.198.164.593

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Chi tiết phân loại tín dụng của các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Không quá hạn nhưng bị tổn thất	6.015.606.914	13.472.275.456
Không quá hạn và không bị tổn thất	1.107.538.641.171	259.869.057.973
	<hr/>	<hr/>
	1.113.554.248.085	273.341.333.429

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chứng khoán niêm yết tại		
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	-	3.517.447.500
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	150.000.000	341.000.000
	<hr/>	<hr/>
	150.000.000	3.858.447.500



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>Giá trị ghi số VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	373.965.000.000	379.924.547.426	379.924.547.426
Phải trả người bán	520.620.499	520.620.499	520.620.499
Chi phí trích trước	14.858.444.379	14.858.444.379	14.858.444.379
Các khoản phải trả khác	2.256.000.114	2.256.000.114	2.256.000.114
	391.600.064.992	397.559.612.418	397.559.612.418
	391.600.064.992	397.559.612.418	397.559.612.418
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>Giá trị ghi số VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	21.300.000.000	21.426.482.292	21.426.482.292
Chi phí trích trước	2.425.328.314	2.425.328.314	2.425.328.314
	23.725.328.314	23.851.810.606	23.851.810.606
	23.725.328.314	23.851.810.606	23.851.810.606

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	15.000.000	341.025.000.000	-	-

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2017	1/1/2017
USD/VND	22.735	22.790

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	2.728.200.000
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	-

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	40.259.270.295	152.270.241.965
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.027.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	1.066.660.267.866	263.727.505.473
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	91.000.000.000	122.300.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
Vay ngắn hạn	(373.965.000.000)	(21.300.000.000)

**(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Việt Nam. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận sau thuế sự thay đổi về chỉ số vốn chủ sở hữu, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>		<b>Tại ngày 1/1/2017</b>	
	<b>Thay đổi chỉ số %</b>	<b>Ảnh hưởng đến TSTC VND</b>	<b>Thay đổi chỉ số %</b>	<b>Ảnh hưởng đến TSTC VND</b>
<b>Chỉ số thị trường</b>				
VN Index - Tăng	50	83.419.552.282	15	5.390.767.667
VN Index - Giảm	(50)	(83.419.552.282)	(15)	(5.390.767.667)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty, sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để công bố báo cáo tài chính vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	157.084.317.018	208.548.880.705	29.685.230.147	44.923.063.896
• Có phiếu niêm yết	157.084.183.638	208.548.747.325	29.685.096.767	44.922.930.516
• Có phiếu chưa niêm yết	133.380	133.380	133.380	133.380
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	40.259.270.295	40.259.270.295	152.270.241.965	152.270.241.965
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.027.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
▪ Các khoản cho vay – thuần	1.066.660.267.866	(*)	263.727.505.473	(*)
▪ Các khoản phải thu	39.794.737.252	(*)	8.579.201.942	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	560.808.208	(*)	150.478.179	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	680.331.845	(*)	427.155.421	(*)
▪ Tam ứng	162.699.101	(*)	9.520.101	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	(*)	2.200.000	(*)
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	91.000.000.000	(*)	122.300.000.000	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.626.294.000	(*)	821.618.290	(*)
▪ Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán	2.840.306.590	(*)	2.296.415.266	(*)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Vay ngắn hạn	(373.965.000.000)	(*)	(21.300.000.000)	(*)
▪ Phải trả người bán	(520.620.499)	(*)	-	-
▪ Chi phí trích trước	(14.858.444.379)	(*)	(2.425.328.314)	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	(2.256.000.114)	(*)	-	-

(\*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	6.900.500	5.158.000
Tiền gửi ngân hàng phục vụ hoạt động của Công ty	371.476.120	2.867.525.998
Tiền gửi ngân hàng phục vụ giao dịch chứng khoán	387.794.175	2.715.967
Các khoản tương đương tiền	39.500.000.000	149.400.000.000
	<hr/> 40.266.170.795	<hr/> 152.275.399.965

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 27 tỷ VND (1/1/2017: 21,3 tỷ VND) được cầm cố cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

**6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2017		2016	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
<b>a) Công ty</b>				
Cổ phiếu	6.734.041	213.735.932.201	420.433	14.440.201.600
Trái phiếu	3.984.000	421.493.081.800	-	-
<b>b) Nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	1.484.771.732	28.121.775.291.200	534.803.770	7.671.596.762.900
Trái phiếu	43.442.000	4.636.654.689.800	29.570.000	3.140.469.570.000
	<hr/> 1.538.931.773	<hr/> 33.393.658.995.001	<hr/> 564.794.203	<hr/> 10.826.506.534.500



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**7. Tài sản tài chính**

**(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
VNM	19.133.315.695	50.554.418.600	21.888.636.999	37.300.185.600
STB	24.951.489.360	26.359.410.600	2.032.470	1.804.950
VCB	9.428.015.620	12.338.697.600	2.460.000	4.679.400
BVH	9.052.900.159	9.836.922.600	620.865	814.800
CII	9.093.217.605	9.558.888.300	983.020	1.182.300
GAS	6.315.308.048	9.267.610.000	-	-
PVT	6.823.881.143	9.006.360.350	273.870	406.000
MSN	6.923.364.699	8.749.169.000	5.934.500.000	4.795.200.000
EIB	6.745.452.300	7.091.008.100	424.300	306.000
SSI	5.799.246.206	6.828.508.800	777.960	764.400
Khác	52.817.992.803	58.957.753.375	1.854.387.283	2.817.587.066
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
	<b>157.084.317.018</b>	<b>208.548.880.705</b>	<b>29.685.230.147</b>	<b>44.923.063.896</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i) Cho Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam) vay có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (ii)	837.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
	190.000.000.000	(*)	-	(*)
	1.027.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm (iii)	91.000.000.000	(*)	122.300.000.000	(*)
	1.118.000.000.000	(*)	216.300.000.000	(*)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có lãi suất dao động từ 6,80% đến 7,00% một năm (1/1/2017: từ 5,90% đến 6,60% một năm).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản cho vay đối với Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam), một công ty liên quan, có lãi suất 8,00% một năm.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có lãi suất dao động từ 7,55% đến 7,60% một năm (1/1/2017: từ 7,10% đến 7,50% một năm).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 159 tỷ VND (1/1/2017: Không có) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

**(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i) Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	976.561.254.734	(*)	258.401.630.768	(*)
	95.957.116.046	(*)	14.939.702.661	(*)
	1.072.518.370.780	(*)	273.341.333.429	(*)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,039% (1/1/2017: từ 0,028% đến 0,039% một ngày). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì lần lượt là 50% và 40%.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất ngày là 0,033% (1/1/2017: từ 0,024% đến 0,033% một ngày) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

**(d) TSTC sẵn sàng để bán**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	10.516.976.315	15.848.204.000	7.800.000.000	(*)

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (“SMV”) là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 2,87% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2017: 2,66%).

**(e) Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (i)	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)

- (i) Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (“Mirae Asset Realty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000515 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty.

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để trình bày trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại không có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.





**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản phải thu**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dự thu	39.297.168.052	8.579.201.942
Phải thu từ cổ tức	363.345.000	-
Phải thu từ bán tài sản tài chính	134.224.200	-
	39.794.737.252	8.579.201.942
	39.794.737.252	8.579.201.942

**10. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	904.145.355	834.505.000
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	101.192.857	405.360.000
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	213.851.906	133.689.348
	1.219.190.118	1.373.554.348
	1.219.190.118	1.373.554.348

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	5.986.804.099	891.716.063
Phí thành viên câu lạc bộ golf	956.404.634	987.591.690
Thiết bị văn phòng	3.968.852.637	41.945.267
Phí tư vấn	120.000.000	-
	11.032.061.370	1.921.253.020
	11.032.061.370	1.921.253.020

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.921.253.020	1.645.325.640
Tăng trong năm	10.877.569.455	1.309.032.432
Phân bổ trong năm	(1.766.761.105)	(1.033.105.052)
Số dư cuối năm	11.032.061.370	1.921.253.020

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<b>2017</b>	<b>Phương tiện vận chuyển</b> <b>VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
Tăng trong năm	-	5.062.778.441	5.062.778.441
Số dư cuối năm	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
Khấu hao trong năm	-	784.611.869	784.611.869
Số dư cuối năm	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	1.681.444.633	1.681.444.633
Số dư cuối năm	-	5.959.611.205	5.959.611.205

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

2016	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	8.947.452.883	13.403.322.242
Tăng trong năm	-	1.045.382.800	1.045.382.800
Thanh lý	(3.561.069.359)	(474.724.527)	(4.035.793.886)
Số dư cuối năm	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	7.782.379.740	12.238.249.099
Khấu hao trong năm	-	529.011.310	529.011.310
Thanh lý	(3.561.069.359)	(474.724.527)	(4.035.793.886)
Số dư cuối năm	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	1.165.073.143	1.165.073.143
Số dư cuối năm	-	1.681.444.633	1.681.444.633

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 7.934.310.478 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2017: 7.934.310.478 VND).



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>2017</b> <b>Phần mềm</b> <b>máy vi tính</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>Phần mềm</b> <b>máy vi tính</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	8.229.447.240	7.729.384.240
Tăng trong năm	155.864.210	500.063.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	911.111.111	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.296.422.561	8.229.447.240
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	7.754.387.404	6.375.971.845
Khấu hao trong năm	277.841.806	1.378.415.559
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.032.229.210	7.754.387.404
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	475.059.836	1.353.412.395
Số dư cuối năm	1.264.193.351	475.059.836
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 7.729.384.240 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2016: 7.729.384.240 VND).

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Phần mềm máy vi tính	-	911.111.111
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2017</b>
	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	911.111.111
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(911.111.111)
	<hr/>
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

**14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
	<hr/>	<hr/>

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.296.415.266	2.106.970.104
Tiền nộp thêm trong năm	412.773.672	66.684.828
Tiền lãi nhận được trong năm	131.117.652	122.760.334
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.840.306.590	2.296.415.266
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**15. Vay ngắn hạn**

	Số dư tại ngày 1/1/2017 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Số dư tại ngày 31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn	21.300.000.000	3.613.903.080.279	(3.261.968.080.279)	730.000.000	373.965.000.000
Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:					
			<b>Tiền tệ</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)			USD	227.350.000.000	-
Mirae Assets Securities (HK) Limited (**)			USD	113.675.000.000	-
Shinhan Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)			VND	32.940.000.000	-
KEB Hana Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)			VND	-	21.300.000.000
				<b>373.965.000.000</b>	<b>21.300.000.000</b>

Các khoản vay này có lãi suất giao động từ 2,14% đến 5,30% một năm (1/1/2017: 5,30% một năm).

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty Chứng khoán Mirae Asset (HK), công ty mẹ của Công ty, thông qua Thư Bảo lãnh được ký vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi sổ là 186 tỷ VND (1/1/2017: 21,3 tỷ VND) (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7(b)).

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay từ Mirae Assets Securities (HK) Limited, một công ty mẹ, không được đảm bảo.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước**

**(a) Các khoản phải trả Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	31/12/2017 VND
<b>Các loại thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.031.798.428	(10.622.160.835)	7.409.637.593
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	197.159.685	2.104.687.023	(1.925.425.654)	376.421.054
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	342.526.637	7.010.720.847	(5.985.484.641)	1.367.762.843
Thuế nhà thầu nước ngoài	70.106.239	1.931.474.895	(1.726.959.550)	274.621.584
Các loại phí và lệ phí khác	38.886.313	1.301.444.041	(1.170.653.064)	169.677.290
	648.678.874	30.380.125.234	(21.430.683.744)	9.598.120.364
<b>2016</b>				
<b>Các loại thuế</b>				
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	132.873.771	1.496.029.387	(1.431.743.474)	197.159.685
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	79.273.657	2.406.958.823	(2.143.705.843)	342.526.637
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.117.884	962.525.247	(893.536.892)	70.106.239
Các loại phí và lệ phí khác	1.967.741	415.221.665	(378.303.093)	38.886.313
	215.233.053	5.280.735.122	(4.847.289.302)	648.678.874



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Ghi nhận vào chi phí) VND	31/12/2017 VND
<b>(b) Các khoản phải thu khác từ Nhà nước</b>				
<b>2017</b>				
<b>Các khoản phải thu khác từ Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31.583.119	-	(816.396)	30.766.723
<b>2016</b>				
<b>Các khoản phải thu khác từ Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.772.711	28.810.408	-	31.583.119

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương tháng 13	8.953.370.737	1.234.828.000
Chi phí môi giới chứng khoán	1.733.377.637	369.913.230
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.306.013.810	383.594.847
Chi phí tư vấn	937.700.000	210.459.096
Chi phí lãi	766.669.147	-
Các chi phí khác	1.161.313.048	226.533.141
	<hr/>	<hr/>
	14.858.444.379	2.425.328.314
	<hr/>	<hr/>

**18. Tài sản và phải trả thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
- Lỗ tính thuế	-	4.003.465.178
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	(8.516.112.099)	(3.284.725.969)
	<hr/>	<hr/>
<b>Tài sản/(phải trả) thuế thu nhập hoãn lại – thuần</b>	(8.516.112.099)	718.739.209
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn góp**

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	2.000.000.000.000	100%

	<b>Tại ngày 1/1/2017</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited (trước đây gọi là Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited), và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Capital Company Limited, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Biến động vốn điều lệ trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	700.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp trong năm	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Số dư cuối năm	2.000.000.000.000	700.000.000.000

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt hồ sơ đăng ký của Công ty để tăng vốn điều lệ. Ngày 15 tháng 6 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.000 tỷ VND.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty đã được góp vốn đủ bởi Mirae Asset Securities (HK) Limited.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và sẵn sàng để bán

2017	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
<b>Các TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	2.392.913	97.676	233.730.587.907	222.059.448.526	12.025.560.677	(354.421.296)
VJC	338.840	112.410	38.088.898.000	32.274.993.491	5.983.428.808	(172.322.363)
VNM	65.500	131.817	8.634.046.000	4.827.682.114	3.806.363.886	-
BVH	30.800	60.450	1.861.859.000	1.970.067.906	-	(108.208.906)
Khác	1.957.773	94.570	185.145.784.907	182.986.705.015	2.232.969.919	(73.890.027)
<b>Đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>1.042.930</b>	<b>17.977</b>	<b>18.748.830.000</b>	<b>17.582.567.685</b>	<b>1.166.262.315</b>	<b>-</b>
SMV	42.930	40.737	1.748.830.000	1.082.567.685	666.262.315	-
HDB	1.000.000	17.000	17.000.000.000	16.500.000.000	500.000.000	-
	3.435.843	492.755	252.479.417.907	239.642.016.211	13.191.822.992	(354.421.296)



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và sẵn sàng để bán (tiếp theo)**

2016	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
<b>Các TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
FPT	163.506	45.605	7.456.744.100	6.197.920.650	1.258.823.450	-
MWG	15.500	135.700	2.103.350.000	1.244.000.000	859.350.000	-
REE	148.073	20.609	3.051.700.250	3.644.414.260	-	(592.714.010)
Khác	67.027	15.468	1.036.781.576	1.004.732.628	49.078.348	(17.029.400)
	394.106	34.632	13.648.575.926	12.091.067.538	2.167.251.798	(609.743.410)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Lãi/(lỗ) đánh giá lại các TSTC**

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại cho năm 2017 VND
<b>2017</b>					
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>	<b>157.084.317.018</b>	<b>208.548.880.705</b>	<b>51.464.563.687</b>	<b>15.237.833.749</b>	<b>36.226.729.938</b>
Cổ phiếu niêm yết	157.084.317.018	208.548.880.705	51.464.563.687	15.237.833.749	36.226.729.938
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					37.249.332.811
- Lỗ từ đánh giá lại					(1.022.602.873)
<b>Đầu tư sẵn sàng để bán - SMV</b>	<b>10.516.976.315</b>	<b>15.848.204.000</b>	<b>5.331.227.685</b>	<b>-</b>	<b>5.331.227.685</b>
<b>2016</b>					
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>	<b>29.685.230.148</b>	<b>44.923.063.896</b>	<b>15.237.833.748</b>	<b>9.550.493.840</b>	<b>5.687.339.908</b>
Cổ phiếu niêm yết	29.685.230.148	44.923.063.896	15.237.833.748	9.550.493.840	5.687.339.908
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					5.877.566.124
- Lỗ từ đánh giá lại					(190.226.216)

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, giữ đến ngày đáo hạn, các khoản vay và phải thu**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Từ TSTC giữ đến ngày đáo hạn	63.785.260.672	19.627.605.571
▪ <i>Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>57.965.260.672</i>	<i>19.627.605.571</i>
▪ <i>Thu nhập từ cho công ty liên quan vay</i>	<i>5.820.000.000</i>	-
Từ các khoản vay và phải thu	63.296.276.787	19.674.024.472
▪ <i>Thu nhập từ hoạt động ký quỹ</i>	<i>57.114.160.221</i>	<i>18.591.166.814</i>
▪ <i>Thu nhập từ dịch vụ tạm ứng</i>	<i>6.182.116.566</i>	<i>1.082.857.658</i>
Từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	2.782.934.350	1.992.199.870
▪ <i>Cổ tức</i>	<i>2.782.934.350</i>	<i>1.992.199.870</i>
	129.864.471.809	41.293.829.913

**(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	48.772.934.400	13.923.091.173
Doanh thu từ tư vấn tài chính	4.065.025.758	4.332.240.263
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	1.338.164.771	743.095.279
Doanh thu từ các hoạt động khác	7.875.126	434.000.000
	54.184.000.055	19.432.426.715

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí môi giới chứng khoán**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	21.405.794.681	8.092.930.140
Chi phí hoa hồng	13.284.498.032	2.803.015.580
Chi phí môi giới	9.071.125.936	2.850.781.071
Chi phí thuê	2.359.270.448	1.187.542.388
Máy tính và các chi phí liên quan	2.176.206.085	1.397.849.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.910.505.997	820.244.846
Thuê giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.505.699.406	397.089.524
Khấu hao tài sản cố định	733.795.498	1.488.826.950
Chi phí giao tế	528.747.857	345.423.540
Chi phí công tác	379.948.166	208.617.109
Chi phí khác	1.749.091.533	668.771.920
	<hr/>	<hr/>
	55.104.683.639	20.261.092.070
	<hr/>	<hr/>

**22. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	730.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	110.673
	<hr/>	<hr/>
	730.000.000	110.673
	<hr/>	<hr/>



**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí quản lý**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	13.274.307.269	7.575.673.921
Chi phí dịch vụ chuyên môn	6.582.585.620	1.961.122.498
Chi phí thuê	2.879.461.749	1.711.442.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	881.294.363	699.984.563
Chi phí giải trí	731.339.630	539.924.745
Thuế, phí và lệ phí	685.145.778	511.912.255
Chi phí vận chuyển	659.685.884	658.113.569
Máy vi tính và các chi phí liên quan	451.389.105	346.863.293
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	328.658.177	418.599.919
Chi phí công tác	281.266.947	318.775.395
Chi phí văn phòng phẩm	52.164.891	37.460.489
Chi phí khác	1.034.966.119	569.509.316
	<hr/>	<hr/>
	27.842.265.532	15.349.382.494
	<hr/>	<hr/>

**24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện tại</b>		
Năm nay	17.313.059.219	-
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	9.234.851.308	(718.739.209)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26.547.910.527	(718.739.209)
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	146.397.883.857	20.141.924.473
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	29.279.576.771	4.028.384.895
Thu nhập không bị tính thuế	(556.586.870)	(398.439.974)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	1.784.984.746	(1.894.252.434)
Chi phí không được khấu trừ	20.831.384	75.318.639
Lỗi tính thuế được khấu trừ	(3.980.895.504)	(2.529.750.335)
	<u>26.547.910.527</u>	<u>(718.739.209)</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty mẹ</i>		
<b>Mirae Asset Securities (HK) Limited (trước đây là Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited)</b>		
Góp vốn	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	113.450.000.000	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
<b>Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd)</b>		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	3.745.318.254	677.949.531
<b>Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam)</b>		
Thanh toán khoản vay	190.000.000.000	-
<b>Mirae Asset Global Investment Company</b>		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	-	484.562.546
<b>Mirae Asset Exim Investment Co., Ltd</b>		
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký	-	272.578.573
<b>Công ty TNHH Mirae Asset Realty</b>		
Chi trả hộ	368.375.965	63.264.320
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt – Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị</b>		
Thu nhập	2.198.944.000	2.202.775.516

**Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**26. Các cam kết**

***Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.112.097.280	2.950.841.300
Từ hai đến năm năm	27.571.181.200	4.154.560.300
	<hr/>	<hr/>
	37.683.278.480	7.105.401.600

**27. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên  
*Kế toán viên*

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung  
*Tổng Giám đốc*



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of financial position as at 31 December 2017 (continued)**

**Form B01 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>III Construction in progress</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>911,111,111</b>
<b>IV Other long-term assets</b>	<b>250</b>		<b>16,498,661,960</b>	<b>5,758,025,785</b>
1 Long-term deposits, collaterals and pledges	251		2,626,294,000	821,618,290
2 Long-term prepaid expenses	252	10(b)	11,032,061,370	1,921,253,020
3 Deferred tax assets	253	18	-	718,739,209
4 Deposits at Payment Support Fund	254	14	2,840,306,590	2,296,415,266
<b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2,516,196,705,629</b>	<b>705,778,782,879</b>
<b>C LIABILITIES (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>410,052,673,697</b>	<b>24,815,951,962</b>
<b>I Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>401,501,185,356</b>	<b>24,780,575,720</b>
1 Short-term borrowings and finance lease liabilities	311		373,965,000,000	21,300,000,000
1.1 <i>Short-term borrowings</i>	312	15	373,965,000,000	21,300,000,000
2 Account payables to suppliers	320		520,620,499	-
3 Taxes payable to State Treasury	322	16(a)	9,598,120,364	648,678,874
4 Payables to employees	323		-	18,164,000
5 Accrued expenses	325	17	14,858,444,379	2,425,328,314
6 Unearned revenue	327		303,000,000	388,404,532
7 Other payables	329		2,256,000,114	-
<b>II Long-term liabilities</b>	<b>340</b>		<b>8,551,488,341</b>	<b>35,376,242</b>
1 Provisions – long-term	354		35,376,242	35,376,242
2 Deferred tax liabilities	356	18	8,516,112,099	-
<b>D EQUITY (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2,106,144,031,932</b>	<b>680,962,830,917</b>
<b>I Owner's equity</b>	<b>410</b>		<b>2,106,144,031,932</b>	<b>680,962,830,917</b>
1 Contributed capital	411		2,000,000,000,000	700,000,000,000
1.1 <i>Contributed capital</i>	411.1	19	2,000,000,000,000	700,000,000,000
2 Differences upon asset revaluation in fair value	412		5,331,227,685	-
3 Charter capital supplement reserve	414		5,275,711,292	11,875,117
4 Financial reserve	415		5,275,711,292	11,875,117
5 Accumulated profits/(losses)	417		90,261,381,663	(19,060,919,317)
5.1 <i>Realised profits/(losses)</i>	417.1		38,796,817,976	(34,298,753,066)
5.2 <i>Unrealised profits</i>	417.2		51,464,563,687	15,237,833,749
<b>TOTAL LIABILITIES AND EQUITY (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2,516,196,705,629</b>	<b>705,778,782,879</b>

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of financial position as at 31 December 2017 (continued)**

**Form B01 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**OFF-BALANCE SHEET ITEMS**

	Code	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>A. THE COMPANY’S ASSETS</b>			
1 Foreign currency - USD	005	-	524,170
2 Listed/registered financial assets at Vietnam Securities Depository (“VSD”) of the Company	008	60,492,970,000	4,516,820,000
3 Custodied financial assets at VSD but not available for trading	009	1,660,000	3,350,000
4 The Company’s right to receive financial assets	013	60,000	270,000
<b>B. ASSETS AND PAYABLES RELATING TO ASSETS MANAGED BY THE COMPANY</b>			
1 Listed/registered financial assets at VSD of investors/customers	021	4,022,526,740,000	10,771,040,250,000
<i>a. Freely traded financial assets</i>	021.1	3,869,828,740,000	10,755,150,250,000
<i>b. Financial assets subject to transfer restriction</i>	021.2	470,000,000	170,000,000
<i>c. Mortgaged financial assets</i>	021.3	19,000,000,000	
<i>e. Financial assets awaiting settlement</i>	021.5	133,228,000,000	15,720,000,000
2 Custodied financial assets of investors/customers at VSD but not available for trading	022	21,234,650,000	3,595,470,000
<i>a. Freely traded financial assets at VSD but not available for trading</i>	022.1	18,106,750,000	3,595,470,000
<i>b. Restricted and non-traded financial assets deposited at VSD</i>	022.2	3,127,900,000	-
3 Rights to receive financial assets of investors/customers	025	16,627,710,000	16,455,330,000

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of financial position as at 31 December 2017 (continued)**

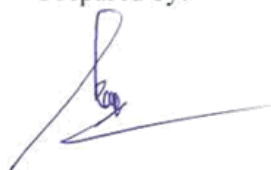
**Form B01 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**OFF-BALANCE SHEET ITEMS (CONTINUED)**

	Code	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>B. ASSETS AND PAYABLES RELATING TO ASSETS MANAGED BY THE COMPANY (CONTINUED)</b>			
5 Customers' deposits	026	257,686,229,391	44,382,597,217
5.1 Cash deposits for brokerage activities	027	115,791,004,391	37,535,042,717
5.2 Collective deposits for securities trading activities	028	141,895,225,000	6,847,554,500
6 Payables to investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031	257,686,229,391	44,382,597,217
6.1 Payables to domestic customers for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.1	169,315,753,575	16,959,218,234
6.2 Payables to foreign customers for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.2	88,370,475,816	27,423,378,983

30 March 2018

Prepared by:



Ms Nguyen Hong Quyen  
Accountant

Reviewed by:



Ms. Cao Thi Bao Le  
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Kang Moon Kyung  
General Director

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of income for the year ended 31 December 2017**

**Form B02 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	2017 VND	2016 VND
<b>I</b>				
<b>OPERATING INCOME</b>				
1.1	01		52,057,827,838	10,037,017,792
<i>a. Gains from sales of financial assets at FVTPL</i>	01.1	20(a)	12,025,560,677	2,167,251,798
<i>b. Gain from revaluation of financial assets at FVTPL</i>	01.2	20(b)	37,249,332,811	5,877,566,124
<i>c. Dividends and interest income from financial assets at FVTPL</i>	01.3	20(c)	2,782,934,350	1,992,199,870
1.2	02	20(c)	63,785,260,672	19,627,605,571
1.3	03	20(c)	63,296,276,787	19,674,024,472
1.4	04	20(a)	1,166,262,315	-
1.5	06	20(d)	48,772,934,400	13,923,091,173
1.6	08	20(d)	4,065,025,758	4,332,240,263
1.7	09	20(d)	1,338,164,771	743,095,279
1.8	11	20(d)	7,875,126	434,000,000
<b>Total operating income</b>	<b>20</b>		<b>234,489,627,667</b>	<b>68,771,074,550</b>
<b>II</b>				
<b>OPERATING EXPENSES</b>				
2.1	21		1,377,024,169	799,969,626
<i>a. Losses from sales of financial assets at FVTPL</i>	21.1	20(a)	354,421,296	609,743,410
<i>b. Unrealised losses from revaluation of financial assets at FVTPL</i>	21.2	20(b)	1,022,602,873	190,226,216
2.2	24		2,235,243,068	11,564,029,631
2.3	27	21	55,104,683,639	20,261,092,070
2.4	30		1,593,217,095	1,160,761,437
<b>Total operating expenses</b>	<b>40</b>		<b>60,310,167,971</b>	<b>33,785,852,764</b>
<b>III</b>				
<b>FINANCIAL INCOME</b>				
3.1	42		796,434,783	269,841,681
<b>Total financial income</b>	<b>50</b>		<b>796,434,783</b>	<b>269,841,681</b>
<b>IV</b>				
<b>FINANCIAL EXPENSES</b>				
4.1	51		730,000,000	110,673
<b>Total financial expenses</b>	<b>60</b>	<b>22</b>	<b>730,000,000</b>	<b>110,673</b>

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of income for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B02 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	2017 VND	2016 VND
<b>V GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES</b>	<b>62</b>	<b>23</b>	<b>27,842,265,532</b>	<b>15,349,382,494</b>
<b>VI RESULTS FROM OPERATING ACTIVITIES</b> (70 = 20 – 40 + 50 - 60 - 62)	<b>70</b>		<b>146,403,628,947</b>	<b>19,905,570,300</b>
<b>VII OTHER INCOME AND OTHER EXPENSES</b>				
7.1 Other income	71		-	253,939,830
7.2 Other expenses	72		5,745,090	17,585,657
<b>Results from other activities</b> (80 = 71 - 72)	<b>80</b>		<b>(5,745,090)</b>	<b>236,354,173</b>
<b>VIII ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX</b> (90 = 70 + 80)	<b>90</b>		<b>146,397,883,857</b>	<b>20,141,924,473</b>
8.1 Realised profit before tax	91		110,171,153,919	14,454,584,564
8.2 Unrealised profit before tax	92		36,226,729,938	5,687,339,909
<b>IX INCOME TAX EXPENSE/(BENEFIT)</b>	<b>100</b>		<b>26,547,910,527</b>	<b>(718,739,209)</b>
9.1 Income tax expense – current	100.1	24	17,313,059,219	-
9.2 Income tax expense/(benefits) – deferred	100.2	24	9,234,851,308	(718,739,209)
<b>X NET PROFIT AFTER TAX</b> (200 = 90 - 100)	<b>200</b>		<b>119,849,973,330</b>	<b>20,860,663,682</b>
<b>XI OTHER COMPREHENSIVE INCOME</b>	<b>300</b>		<b>5,331,227,685</b>	<b>-</b>
11.1 Gains from revaluation of AFS investments	301	20(b)	5,331,227,685	-
<b>XII TOTAL COMPREHENSIVE INCOME</b> (400 = 200 + 300)	<b>400</b>		<b>125,181,201,015</b>	<b>20,860,663,682</b>

30 March 2018

Prepared by:



Ms. Nguyen Hong Quyen  
Accountant

Reviewed by:



Ms. Cao Thi Bao Le  
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Kang Moon Kyung  
General Director

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of cash flows for the year ended 31 December 2017 (Indirect method)**

**Form B03b – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code	2017 VND	2016 VND
<b>I CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
<b>1 Profit before tax</b>	<b>01</b>	<b>146,397,883,857</b>	<b>20,141,924,473</b>
<b>2 Adjustments for</b>	<b>02</b>	<b>(26,690,269,367)</b>	<b>4,863,354,558</b>
Depreciation and amortisation	03	1,062,453,675	1,907,426,869
Allowances and provisions	04	(3,755,725,042)	9,613,827,956
Unrealised foreign exchange losses	05	730,000,000	-
Interest expenses	06	5,990,968,110	1,950,201,675
Gain on investing activities	07	-	(28,900,000)
Accrued interest income	08	(30,717,966,110)	(8,579,201,942)
<b>3 Non-monetary expenses</b>	<b>10</b>	<b>1,022,602,873</b>	<b>190,226,216</b>
Losses from revaluation of financial assets at FVTPL	11	1,022,602,873	190,226,216
<b>4 Non-monetary income</b>	<b>18</b>	<b>(37,249,332,811)</b>	<b>(5,877,566,124)</b>
Gains from revaluation of financial assets at FVTPL	19	(37,249,332,811)	(5,877,566,124)
<b>5. Operating profit before changes in operating assets and liabilities (30 = 01 + 02 + 10 + 18)</b>	<b>30</b>	<b>83,480,884,552</b>	<b>19,317,939,123</b>
(Increase)/decrease in financial assets at FVTPL	31	(122,067,859,186)	11,921,831,237
Increase in HTM investments	32	(901,700,000,000)	(106,300,000,000)
Increase in loans receivables	33	(799,177,037,351)	(188,258,938,063)
Increase in AFS investment	34	(8,048,204,000)	(7,800,000,000)
Increase in receivables from selling financial assets	35	(134,224,200)	-
Increase/(decrease) in dividends and interest receivables	36	(363,345,000)	4,408,961,112
Increase in receivables for services rendered	37	(410,330,029)	(77,357,811)
Decrease/(increase) in other receivables	39	400,320,146	(1,075,646,452)
Increase in other assets	40	(1,782,190,429)	(12,686,166)
Increase in accrued expenses	41	11,666,446,918	286,838,386
Increase in prepaid expenses	42	(8,956,444,120)	(1,159,207,079)
Income tax paid	43	(10,622,160,835)	-
Interest paid	44	(5,224,298,963)	(1,950,201,675)
Increase in accounts payable	45	520,620,499	-
Increase in taxes payable to State Treasury	47	1,539,803,897	433,445,820
Decrease in payable to employees	48	(18,164,000)	(23,590,000)
Increase/(decrease) in other payables	51	2,170,595,582	(636,215,472)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	<b>60</b>	<b>(1,758,725,586,519)</b>	<b>(270,924,827,040)</b>

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Statement of cash flows for the year ended 31 December 2017**  
**(Indirect method – continued)**

**Form B03b – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Code	2017 VND	2016 VND
<b>II CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
Payments for additions to fixed assets	61	(5,218,642,651)	(2,456,556,911)
Proceeds from disposals of fixed assets	62	-	28,900,000
<b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>70</b>	<b>(5,218,642,651)</b>	<b>(2,427,656,911)</b>
<b>III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
Proceeds from capital contributions	71	1,300,000,000,000	400,000,000,000
Proceed from short-term borrowings	73	3,613,903,080,279	796,193,757,542
Payments to settle borrowing principals	74	(3,261,968,080,279)	(809,193,757,542)
<b>Net cash flows from financing activities</b>	<b>80</b>	<b>1,651,935,000,000</b>	<b>387,000,000,000</b>
<b>Net cash flows during the year (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>(112,009,229,170)</b>	<b>113,647,516,049</b>
<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>	<b>101</b>	<b>152,275,399,965</b>	<b>38,627,883,916</b>
<b>Cash and cash equivalents at the end of the year (103 = 90 + 101) (Note 5)</b>	<b>103</b>	<b>40,266,170,795</b>	<b>152,275,399,965</b>
▪ <i>Cash</i>	103.1	766,170,795	2,875,399,965
▪ <i>Cash equivalents</i>	103.2	39,500,000,000	149,400,000,000

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*








Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Statement of changes in equity for the year ended 31 December 2017

Form B04 – CTCK  
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	Opening balance as at		Movement in the year ended		Closing balance as at	
	1/1/2016 VND	1/1/2017 VND	31 December 2016 VND	31 December 2017 VND	31/12/2016 VND	31/12/2017 VND
Contributed capital	300,000,000,000	700,000,000,000	400,000,000,000	1,300,000,000,000	700,000,000,000	2,000,000,000,000
Charter capital supplement reserve	11,875,117	11,875,117	-	5,263,836,175	11,875,117	5,275,711,292
Financial reserve	11,875,117	11,875,117	-	5,263,836,175	11,875,117	5,275,711,292
Accumulated (losses)/profits	(39,921,582,999)	(19,060,919,317)	20,860,663,682	109,322,300,980	(19,060,919,317)	90,261,381,663
Realised (losses)/profits	(49,472,076,839)	(34,298,753,066)	15,173,323,773	73,095,571,042	(34,298,753,066)	38,796,817,976
Unrealised profits	10,546,063,721	15,023,320,604	5,877,566,125	37,249,332,811	16,423,629,846	52,272,653,415
Unrealised losses	(995,569,881)	214,513,145	(190,226,216)	(1,022,602,873)	(1,185,796,097)	(808,089,728)
<b>Total</b>	<b>260,102,167,235</b>	<b>680,962,830,917</b>	<b>420,860,663,682</b>	<b>1,419,849,973,330</b>	<b>680,962,830,917</b>	<b>2,100,812,804,247</b>
<b>Other comprehensive income</b>						
Gains from revaluation of AFS investments	-	-	-	5,331,227,685	-	5,331,227,685

**Total comprehensive income** 260,102,167,235 680,962,830,917 420,860,663,682 1,425,181,201,015 680,962,830,917 2,106,144,031,932

Prepared by:

  
Ms. Nguyen Hong Quyen  
Accountant

30 March 2018

Reviewed by:

  
Ms. Cao Thi Bao Le  
Chief Accountant



  
Mr. Kang Moon Kyung  
General Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements.

## **1. Reporting entity**

### **(a) Establishment**

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company (“the Company”) is incorporated as a limited liability company established in Vietnam under Establishment and Operation Licence No. 73/UBCK-GP dated 18 December 2007 issued by the State Securities Commission of Vietnam. The Company’s Establishment and Operation Licence has been amended several times, the most recent of which is the Amended Establishment and Operation Licence No. 24/GPDC-UBCK dated 15 June 2017 issued by the State Securities Commission of Vietnam.

According to Decision No. 43/QD-UBCK dated 11 January 2017 issued by State Securities Commission of Vietnam, Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company – Ho Chi Minh City Branch is established as a new branch of the Company.

### **(b) The Company’s charter capital**

As at 31 December 2017, the Company’s contributed capital was VND2,000 billion (1/1/2017: VND700 billion).

### **(c) Principal activities**

The principal activities of the Company are to carry out securities trading activities, securities brokerage activities, securities investment advisory and securities underwriting services.

### **(d) Normal operating cycle**

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

### **(e) Company structure**

As at 31 December 2017, the Company had 64 employees (1/1/2017: 44 employees).

## **2. Basis of preparation**

### **(a) Statement of compliance**

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 (“Circular 210”) issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 (“Circular 334”) issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(b) Basis of measurement**

The financial statements, except for the statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept, except for financial instruments classified as financial assets at fair value through profit and loss and available for sales financial assets which are measured at fair value. The methods used to measure fair values are described in Note 3(d). The statement of cash flows is prepared using the indirect method.

**(c) Annual accounting period**

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

**(d) Accounting and presentation currency**

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for financial statement presentation purpose.

**3. Summary of significant accounting policies**

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements.

**(a) Foreign currency transactions**

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the statement of income.

**(b) Cash and cash equivalents**

Cash comprises cash on hand, cash in banks and cash deposits for securities transactions clearing and settlement of the Company. Cash deposits for securities transactions, securities transactions clearing and settlement of the customers are separated from the Company's accounts.

Cash equivalents are short-term investments with term to maturity of not more than 3 months, which are readily convertible to known amount of cash and are subject to an insignificant risk of changes in value from the acquisition date at the reporting date.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(c) Financial assets and financial liabilities**

**(i) Recognition**

Financial assets and financial liabilities are recognised in statement of financial position when the Company becomes a party to the contractual provisions of the financial assets and financial liabilities.

**(ii) Classification and measurement**

- Financial assets at fair value through profit or loss (“FVTPL”): see Note 3(d);
- Held-to-maturity investments: see Note 3(e);
- Loans and receivables: see Note 3(f);
- Available for sales: see Note 3(g).

The Company classifies all of its financial liabilities as financial liabilities at amortised cost.

**(iii) Derecognition**

The Company derecognises a financial asset when the contractual rights to the cash flows from the financial asset expire, or when it transfers the rights to receive the contractual cash flows in a transaction in which substantially all of the risks and rewards of ownership of the financial asset are transferred or in which the Company neither transfers nor retains substantially all of the risks and rewards of ownership and it does not retain control of the financial asset.

The Company derecognises a financial liability when its contractual obligations are discharged, cancelled or expired.

**(iv) Offsetting**

Financial assets and liabilities are offset and the net amount presented in the statement of financial position when and only when the Company has a legal right to set off the amounts and it intends either to settle them on a net basis or to realise the asset and settle the liability simultaneously.

**(v) Allowance for financial assets**

For financial assets at FVTPL, the losses due to change in fair value as determined in Note 3(d) are recognised as impairment loss.

For loans and receivables, the Company makes allowance as described in Note 3(f).

For available-for-sales financial assets, the Company makes allowance as described in Note 3(g).

Losses due to impairment of financial assets, expenses of allowances for diminution in value of investments and expenses of allowance for loans are recognised in the statement of income.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

The allowance for diminution in value is reversed if the market value of financial assets. An allowance is reversed only to the extent that the financial assets' carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

**(d) Financial assets at FVTPL**

A financial asset is considered as FVTPL if:

- it is acquired principally for the purpose of selling it in the near term;
- there is evidence of a recent pattern of short-term profit-taking; or
- a derivative (except for a derivative that is financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument).

Financial assets at FVTPL are recognised initially at purchase price of financial assets (for unlisted securities) or purchase order matching prices on the stock exchanges (for listed securities).

At the end of the annual accounting period, financial assets at FVTPL are stated at fair value. Fair value is determined by valuation techniques in case market value is not available.

Market value is determined as follows:

For listed financial assets, the market value is the closing price on the Ho Chi Minh City Stock Exchange or Hanoi Stock Exchange at the latest trading date prior to the reporting date.

For unlisted financial assets but registered for trading on stock exchange of unlisted public company (UpCom), the market value is the closing price of UpCom at the latest trading date prior to the reporting date.

For unlisted financial assets but freely trade on the over-the-counter market ("the OTC market"), the market value is the average price of the transaction prices at the latest trading date prior to the reporting date but within one month from the reporting date provided by three securities companies with charter capital of more than VND300 billion.

**(e) Held-to-maturity investments**

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that the Company has the positive intention and ability to hold to maturity, other than:

- those that the Company on initial recognition designates as at fair value through profit or loss;
- those that the Company designates as available-for-sale; and
- those that meet the definition of loans receivable.

Held-to-maturity investments include term deposits at banks and these investments are stated at costs less allowance for doubtful debts.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Financial assets will not be further classified as held-to-maturity investment if during the current financial year or during the two most recent financial years they were sold or reclassified a significant amount of held-to-maturity financial assets prior to maturity, unless the sale or reclassification meets either of the following conditions:

- it is very close to maturity that changes in market interest rates do not significantly affect the value of financial assets;
- it is made after the Company has received the majority of the principal of these financial assets under payment progress or advance payments; or
- it is in connection with a special event beyond the control of the Company and this event cannot be predicted by the Company.

**(f) Loans and receivables**

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments that are not quoted in an active market. Loans and receivables include margin loans and advances to customers for the proceeds from selling securities and these loans and receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

Margin loans and advances to customers for the proceeds from selling securities are stated at cost less allowance for doubtful debts.

Allowance for doubtful debts is made based on the overdue status of debts or expected losses on undue debts which may occur when an economic organisation is bankrupted or liquidated; or debtor is missing, having escaped, being prosecuted, in prison, under a trial or pending execution of sentences or deceased. The allowance for doubtful debts based on overdue status is made in accordance with Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 issued by Ministry of Finance as follows:

<i>Overdue status</i>	<i>Allowance rate</i>
From six (06) months to less than one (01) year	30%
From one (01) year to less than two (02) years	50%
From two (02) years to less than three (03) years	70%
From three (03) years and over	100%

For overdue debts, the Company's Management also assesses the expected recovery of the debts in determining the allowance.

Allowance for doubtful debts based on the expected losses of undue debts is determined by the Company's Management after giving consideration to the recovery of these debts.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(g) Available-for-sales financial assets**

Available-for-sale financial assets are non-derivative financial assets that are designated as available for sale or that are not classified as:

- financial assets at fair value through profit or loss;
- held-to-maturity investments; or
- loans and receivables.

At the end of the annual accounting period, available-for-sales financial assets are stated at fair value. Fair value are determined as described in Note 3(d). Any change in fair value of an available-for-sale financial asset is recognised in other comprehensive income in equity. The unrealised loss is recognised as expense in the statement of income immediately when there is objective evidence of impairment. When derecognising an available-for-sale financial asset, the outstanding change in fair value is recognised as income or expense in the statement of income.

**(h) Tangible fixed assets**

**(i) Cost**

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs and maintenance and overhaul cost, is charged to the statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

**(ii) Depreciation**

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

- |                    |             |
|--------------------|-------------|
| ▪ motor vehicles   | 4 years     |
| ▪ office equipment | 4 - 5 years |
- 

**(i) Intangible fixed assets**

**Software**

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised on a straight-line basis over 3 to 5 years.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(j) Long-term prepaid expenses**

**(i) Golf club memberships**

Golf club memberships are recorded at cost and amortised on a straight-line basis over 38 years.

**(ii) Other long-term prepayments**

Other long-term prepayments comprise of repair office and maintenance systems cost, tools and instruments. Repair office and maintenance systems cost which are recorded at cost and amortised on a straight-line basis over a period ranging from 2 to 5 years. Tools and instruments include assets held for use by the Company in the normal course of business whose costs of individual items are less than VND30 million and therefore not qualified for recognition as fixed assets under prevailing regulation. Cost of tools and instruments are amortised on a straight-line basis over a period ranging from 2 to 3 years.

**(k) Trade and other payables**

Trade and other payables are stated at their cost.

**(l) Provisions**

Exception of provisions as described in Note 3(c), 3(d), 3(e), 3(g) and 3(h), a provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

**(m) Severance allowance**

Under the Vietnamese Labour Code, when an employee who has worked for 12 months or more (“the eligible employees”) voluntarily terminates his/her labour contract, the employer is required to pay the eligible employee severance allowance calculated based on years of service and employee’s compensation at termination. Provision for severance allowance has been provided based on employees’ years of service and their average salary for the six-month period prior to the end of the annual accounting period. For the purpose of determining the number of years of service by an employee, the period for which the employee participated in and contributed to unemployment insurance in accordance with prevailing laws and regulations and the period for which severance allowance has been paid by the Company are excluded.

**(n) Taxation**

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised as expense/income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the reporting date, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at the reporting date.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences asset can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

**(o) Statutory reserves**

According to Circular No. 146/2014/TT-BTC dated 6 October 2014 issued by the Ministry of Finance, the Company is required to make the following allocations from profit after tax after netting off with accumulated losses from previous years before distribution of profits:

	<b>Annual allocation</b>	<b>Maximum balance</b>
Charter capital supplement reserve	5% profit after tax	10% of charter capital
Financial reserve	5% profit after tax	10% of charter capital

---

The charter capital supplement reserve and financial reserve are non-distributable and are classified as part of equity.

**(p) Revenue**

**(i) Gains from sales of financial assets**

Gains from sales of financial assets is recognised in the statement of income upon receipt of the order matching reports of securities trading transactions from Vietnam Securities Depository (“VSD”) (for listed securities) or completion of the agreement on transfer of assets (for unlisted securities).

**(ii) Dividend and interest income from financial assets**

Dividend income is recognised in the statement of income when the Company’s right to receive dividends is established. Share dividends are not recognised as income.

Interest income is recognised in the statement of income on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate. Interest income also includes amortisation of discounts, premiums, interest received in advance or differences between the value at initial recognition and par value at maturity date.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(iii) Revenue from securities brokerage**

Revenue from securities brokerage activities is recognised in the statement of income when the securities transactions of the customer have been processed.

**(iv) Revenue from securities investment advisory**

Revenue from securities investment advisory activities is recognised in the statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction at the reporting date. The stage of completion is assessed by reference to work performed.

**(v) Revenue from securities custody**

Revenue from securities custody activities is recognised in the statement of income when the service is rendered.

**(q) Interest expense**

Interest expense is recognised as an expense in the year in which it is incurred.

**(r) Operating lease payments**

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense.

**(s) Related parties**

Parties are considered to be related to the company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the company and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

Related companies refer to the parent company, the ultimate parent companies and their subsidiaries and associates.

**(t) Nil balances**

Items or balances required by Circular 334 issued by the Ministry of Finance that are not shown in these financial statements indicate nil balances.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

#### **4. Financial instruments**

##### **(a) Financial risk management**

###### **(i) Overview**

The Company has exposure to the following risks from its use of financial instruments:

- credit risk;
- liquidity risk; and
- market risk.

This note presents information about the Company's exposure to each of the above risks, the Company's objectives, policies and processes for measuring and managing risk.

The Board of Directors oversees how management monitors compliance with the Company's risk management policies and procedures, and reviews the adequacy of the risk management framework in relation to the risks faced by the Company.

###### **(ii) Risk management framework**

The Board of Management has overall responsibility for the establishment and oversight of the Company's risk management framework. The Board has established the Risk Management Committee, which is responsible for developing and monitoring the Company's risk management policies. The Committee reports regularly to the Board of Management on its activities.

The Company's risk management policies are established to identify and analyse the risks faced by the Company, to set appropriate risk limits and controls, and to monitor risks and adherence to limits. Risk management policies and systems are reviewed regularly to reflect changes in market conditions and the Company's activities. The Company, through its training and management standards and procedures, aims to develop a disciplined and constructive control environment in which all employees understand their roles and obligations.

The Board of Supervisors is assisted in its oversight role by Internal Audit. Internal Audit undertakes both regular and ad-hoc reviews of risk management controls and procedures, the results of which are reported to the Board of Supervisors.

##### **(b) Credit risk**

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a customer or counterparty to a financial instrument fails to meet its contractual obligations.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

To manage the level of credit risk, the Company attempts to deal with counterparties of good credit standing, and when appropriate, obtains collaterals. The management has established a credit policy under which each new customer is analysed individually for credit worthiness before the standard terms and conditions are offered.

Concentrations of credit risk that arise from groups of counterparties when they have similar economic characteristics that would cause their ability to meet contractual obligations to be similarly affected by changes in economic or other conditions. The major concentrations of credit risk arise from type of customer in relation to the Company's advances to customers for the proceeds from selling securities and margin loans.

***Collaterals***

The amount and type of collateral required depends on an assessment of the credit risk of the counterparty. Guidelines are implemented regarding the acceptability of types of collateral and valuation parameters. The main types of collateral obtained are listed securities and cash deposited at the Company. Management monitors the market value of collateral, requests additional collateral in accordance with the underlying agreement, and monitors the market value of collateral obtained during its review of the adequacy of the allowance for doubtful debts.

***Exposure to credit risk***

Not considering collaterals, the Company's maximum exposure to credit risk at the reporting date was as follows:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cash in banks and cash equivalents (i)	40,259,270,295	152,270,241,965
Held-to-maturity investments – short-term (i)	1,027,000,000,000	94,000,000,000
Loans receivable – gross (ii)	1,072,518,370,780	273,341,333,429
Receivables (ii)	39,794,737,252	8,579,201,942
Receivables from services rendered (ii)	560,808,208	150,478,179
Other receivables (ii)	680,331,845	427,155,421
Advances	162,699,101	9,520,101
Short-term deposit, collaterals and pledges	2,200,000	2,200,000
Held-to-maturity investments – long-term (i)	91,000,000,000	122,300,000,000
Long-term deposits, collateral and pledges	2,626,294,000	821,618,290
Deposits at Payment Support Fund	2,840,306,590	2,296,415,266
	<hr/>	<hr/>
	2,277,445,018,071	654,198,164,593
	<hr/>	<hr/>



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(i) Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments**

Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments of the Company are mainly held with well-known financial institutions. The management does not foresee any significant credit risk from these deposits and does not expect that these financial institutions may default and cause losses to the Company.

**(ii) Loans receivable and other receivables**

The Company's exposure to credit risk is influenced mainly by the individual characteristics of each customer. In response to the risk, the Board of Management of the Company has established a credit policy under which each new customer is analysed individually for creditworthiness before the Company's standard payment and delivery terms and conditions are offered. Credit limit is established for each customer, which represents the maximum open amount without requiring approval from the General Director. The limit is reviewed annually. Debtors with balances that are overdue are requested to settle the balances before further credit is granted. The management requires collateral based on an assessment of the credit risk of each customer. The main types of collateral obtained are cash deposits and securities. The management of the Company monitors the market value of collateral and requests additional collateral in accordance with the underlying agreement, and monitors the market value of collateral obtained during its review of the adequacy of the allowance for doubtful debts.

Loans receivable and other receivables that are neither past due nor impaired mainly relate to a wide range of customers for whom there was no recent history of default. Management believes that those receivables are of high credit quality.

The details of credit classification of all financial assets that related to credit risk are as follows:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Not past due but impaired	6,015,606,914	13,472,275,456
Neither past due nor impaired	1,107,538,641,171	259,869,057,973
	<hr/>	<hr/>
	1,113,554,248,085	273,341,333,429
	<hr/>	<hr/>

Fair value of collaterals for impaired financial assets are as follows:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Listed securities on		
▪ <i>The Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>	-	3,517,447,500
▪ <i>The Hanoi Stock Exchange</i>	150,000,000	341,000,000
	<hr/>	<hr/>
	150,000,000	3,858,447,500
	<hr/>	<hr/>

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(c) Liquidity risk**

Liquidity risk is the risk that the Company will not be able to meet its financial obligations as they fall due. The Company's approach to managing liquidity is to ensure, as far as possible, that it will always have sufficient liquidity to meet its liabilities when due, under both normal and stressed conditions, without incurring unacceptable losses or risking damage to the Company's reputation.

The financial liabilities with fixed or determinable payments have the following contractual maturities including the estimated interest payments were as follows:

<b>As at 31 December 2017</b>	<b>Carrying amount VND</b>	<b>Contractual cash flows VND</b>	<b>Within 1 year VND</b>
Short-term borrowings	373,965,000,000	379,924,547,426	379,924,547,426
Accounts payable to suppliers	520,620,499	520,620,499	520,620,499
Accrued expenses	14,858,444,379	14,858,444,379	14,858,444,379
Other payables	2,256,000,114	2,256,000,114	2,256,000,114
	391,600,064,992	397,559,612,418	397,559,612,418
<b>As at 1 January 2017</b>	<b>Carrying amount VND</b>	<b>Contractual cash flows VND</b>	<b>Within 1 year VND</b>
Short-term borrowings	21,300,000,000	21,426,482,292	21,426,482,292
Accrued expenses	2,425,328,314	2,425,328,314	2,425,328,314
	23,725,328,314	23,851,810,606	23,851,810,606

The Company manages its ability to meet the expected operational expenses and servicing its debts by investing its cash surpluses in cash equivalents and short-term deposits at banks.

The Company considers that the risk related to debt obligations is rather low. It is able to mobilise funds and loans with term of less than 12 months can be renewed with current lenders.

**(d) Market risk**

Market risk is the risk that changes in market prices, such as foreign exchange rates, interest rates and equity prices will affect the Company's results of operations or the value of its holdings of financial instruments. The objective of market risk management is to manage and control market risk exposures within acceptable parameters, while optimising the return.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(i) Currency risk**

Currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates.

The Company is exposed to currency risk on borrowings that are denominated in a currency other than the accounting currency of the Company, which is VND. The currency in which these transactions primarily are denominated is United States Dollars (“USD”).

*Exposure to currency risk*

The Company had the following net monetary liability position exposed to currency risk:

	31/12/2017		1/1/2017	
	USD	VND equivalent	USD	VND equivalent
Short-term borrowings	15,000,000	341,025,000,000	-	-

The followings are the significant exchange rates applied by the Company:

	Exchange rate as at	
	31/12/2017	1/1/2017
USD/VND	22,735	22,790

Below is an analysis of the possible impact on the net profit of the Company, after taking into account the current level of exchange rates and the historical volatility as well as market expectations as at 31 December 2017. This analysis assumes that all other variables, in particular interest rates, remain constant.

	Effect to net profit after tax VND
<b>As at 31 December 2017</b>	
USD (1% strengthening against VND) – decrease in net profit after tax	2,728,200,000
<b>As at 1 January 2017</b>	
USD (1% strengthening against VND) – decrease in net profit after tax	-

The opposite movement of the USD would have the equal but opposite effect to the net profit after tax of the Company.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(ii) Interest rate risk**

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates.

At the reporting date the interest rate profile of the Company's interest-bearing financial instruments was as follows:

	Carrying amount	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Fixed rate instruments</b>		
Cash in banks and cash equivalents	40,259,270,295	152,270,241,965
Held-to-maturity investments – short-term	1,027,000,000,000	94,000,000,000
Loans receivable – net	1,066,660,267,866	263,727,505,473
Held-to-maturity investments – long-term	91,000,000,000	122,300,000,000
Deposits at Payment Support Fund	2,840,306,590	2,296,415,266
Short-term borrowings	(373,965,000,000)	(21,300,000,000)

**(iii) Other market risk**

Equity price risk is the risk that the market values of equities decrease as a result of changes in the values of individual securities. The equity price risk exposure arises from the Company's financial assets at fair value through profit or loss and AFS.

The Company's financial assets at fair value through profit or loss and AFS are affected by market risk arising from the uncertainty of the fluctuation of the future market price of these securities. The Company's equity price risk is managed by the management who seeks to monitor the risk through a careful selection of securities within specified limits.

Equity price risk for the Company's underlying listed investments principally relates to investments listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange in Vietnam. Best estimate of the effect on financial assets and profit after tax due to a reasonably possible change in equity indices, with all other variables held constant was as follows:

	As at 31 December 2017		As at 1 January 2017	
	Change in index level %	Effects on financial assets VND	Change in index level %	Effects on financial assets VND
<b>Market Indices</b>				
VN Index - Increase	50	83,419,552,282	15	5,390,767,667
VN Index - Decrease	(50)	(83,419,552,282)	(15)	(5,390,767,667)



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Equity price risk for the Company's underlying unlisted investments, available for sales and other investments principally related to investments in private equities in Vietnam. The Company has not determined fair values of these financial instruments for disclosure the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(e) Fair value**

Fair value is the amount for which an asset could be exchanged, or a liability settled, between knowledgeable, willing parties in an arm's length transaction on the measurement date.

The fair values of financial assets and liabilities, together with the carrying amounts shown in the statement of financial position were as follows:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
<i>Categorised as financial assets at fair value through profit or loss:</i>				
▪ Financial assets at fair value through profit or loss	157,084,317,018	208,548,880,705	29,685,230,147	44,923,063,896
• Listed shares	157,084,183,638	208,548,747,325	29,685,096,767	44,922,930,516
• Unlisted shares	133,380	133,380	133,380	133,380
<i>Categorised as loans and receivables:</i>				
▪ Cash in banks and cash equivalents	40,259,270,295	40,259,270,295	152,270,241,965	152,270,241,965
▪ Held-to-maturity investments – short-term	1,027,000,000,000	(*)	94,000,000,000	(*)
▪ Loans receivable – net	1,066,660,267,866	(*)	263,727,505,473	(*)
▪ Receivables	39,794,737,252	(*)	8,579,201,942	(*)
▪ Receivables from services rendered	560,808,208	(*)	150,478,179	(*)
▪ Other receivables	680,331,845	(*)	427,155,421	(*)
▪ Advances	162,699,101	(*)	9,520,101	(*)
▪ Short-term deposits	2,200,000	(*)	2,200,000	(*)
▪ Held-to-maturity investments – long-term	91,000,000,000	(*)	122,300,000,000	(*)
▪ Long-term deposits, collaterals and pledges	2,626,294,000	(*)	821,618,290	(*)
▪ Deposits at Payment Support Fund	2,840,306,590	(*)	2,296,415,266	(*)

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

	31/12/2017		1/1/2017	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
▪ Short-term borrowings	(373,965,000,000)	(*)	(21,300,000,000)	(*)
▪ Accounts payable to suppliers	(520,620,499)	(*)	-	-
▪ Accrued expenses	(14,858,444,379)	(*)	(2,425,328,314)	(*)
▪ Other payables	(2,256,000,114)	(*)	-	-

(\*) The Company has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**5. Cash and cash equivalents**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cash on hand	6,900,500	5,158,000
Cash at banks for operation of the Company	371,476,120	2,867,525,998
Cash for securities transaction clearing and settlement	387,794,175	2,715,967
Cash equivalents	39,500,000,000	149,400,000,000
	<hr/>	<hr/>
	40,266,170,795	152,275,399,965
	<hr/>	<hr/>

Cash and cash equivalents at 31 December 2017 included VND27 billion (1/1/2017: VND21.3 billion) pledged with banks as security for short-term borrowings (Note 15).

**6. Volume and value of transactions during the year**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Volume of transactions</b>	<b>Value of transactions VND</b>	<b>Volume of transactions</b>	<b>Value of transactions VND</b>
<b>a) The Company</b>				
Shares	6,734,041	213,735,932,201	420,433	14,440,201,600
Bonds	3,984,000	421,493,081,800	-	-
<b>b) Investors/customers</b>				
Shares	1,484,771,732	28,121,775,291,200	534,803,770	7,671,596,762,900
Bonds	43,442,000	4,636,654,689,800	29,570,000	3,140,469,570,000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1,538,931,773	33,393,658,995,001	564,794,203	10,826,506,534,500
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**7. Financial assets**

**(a) Financial assets at FVTPL**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
<b>Listed shares</b>				
VNM	19,133,315,695	50,554,418,600	21,888,636,999	37,300,185,600
STB	24,951,489,360	26,359,410,600	2,032,470	1,804,950
VCB	9,428,015,620	12,338,697,600	2,460,000	4,679,400
BVH	9,052,900,159	9,836,922,600	620,865	814,800
CII	9,093,217,605	9,558,888,300	983,020	1,182,300
GAS	6,315,308,048	9,267,610,000	-	-
PVT	6,823,881,143	9,006,360,350	273,870	406,000
MSN	6,923,364,699	8,749,169,000	5,934,500,000	4,795,200,000
EIB	6,745,452,300	7,091,008,100	424,300	306,000
SSI	5,799,246,206	6,828,508,800	777,960	764,400
Others	52,817,992,803	58,957,753,375	1,854,387,283	2,817,587,066
<b>Unlisted shares</b>				
Others	133,380	133,380	133,380	133,380
	<b>157,084,317,018</b>	<b>208,548,880,705</b>	<b>29,685,230,147</b>	<b>44,923,063,896</b>

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(b) Held-to-maturity investments**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
Term deposits at banks with original term to maturity of more than 3 months to 1 year (i)	837,000,000,000	(*)	94,000,000,000	(*)
Loans to Mirae Asset Finance (Vietnam) Company with original term to maturity of more than 3 months to 1 year (ii)	190,000,000,000	(*)	-	(*)
	<hr/> 1,027,000,000,000	(*)	94,000,000,000	(*)
Term deposits at banks with original term to maturity of more than 1 year (iii)	91,000,000,000	(*)	122,300,000,000	(*)
	<hr/> 1,118,000,000,000	(*)	216,300,000,000	(*)

- (i) As at 31 December 2017, these deposits earned interest rates ranging from 6.80% to 7.00% per annum (1/1/2017: from 5.90% to 6.60% per annum).
- (ii) As at 31 December 2017, these loans to Mirae Asset Finance (Vietnam) Company, a related company, earned interest rate at 8.00% per annum.
- (iii) As at 31 December 2017, these deposits earned interest rates ranging from 7.55% to 7.60% per annum (1/1/2017: from 7.10% to 7.50% per annum).

Term deposits at banks at 31 December 2017 included VND159 billion (1/1/2017: Nil) pledged with banks as security for short-term borrowings (Note 15).

**(c) Loans receivable**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
Margin loans (i)	976,561,254,734	(*)	258,401,630,768	(*)
Advances to customers for the proceeds from selling securities in settlement process (ii)	95,957,116,046	(*)	14,939,702,661	(*)
	<hr/> 1,072,518,370,780	(*)	273,341,333,429	(*)

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

- (i) The margin loans were granted to customers for margin trade. As at 31 December 2017, these loans had original term to maturity of 90 days and earned interest rates ranging from 0.028% to 0.039% per day (1/1/2017: from 0.028% to 0.039% per day). The initial margin and minimum maintenance margin for the margin trade are 50% and 40%, respectively.
- (ii) As at 31 December 2017, advances to customers for the proceeds from selling securities in settlement process earned interest rates is 0.033% per day (1/1/2017: from 0.024% to 0.033% per day) and had original term to maturity ranging from 1 day to 2 days.

**(d) Available-for-sales investments**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
Seoul Metal Vietnam Joint Stock Company (i)	10,516,976,315	15,848,204,000	7,800,000,000	(*)

- (i) Seoul Metal Vietnam Joint Stock Company (“SMV”) is a company established and operated under Business License No. 2300323118 issued by the Planning and Investment Department of Bac Ninh Province on 19 February 2008. Main activities of this company includes manufacturing and trading electric equipments. As at 31 December 2017, the Company owns 2.87% equity interest of SMV (1/1/2017: 2.66%).

**(e) Other long-term investments**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Cost VND	Fair value VND	Cost VND	Fair value VND
Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited (i)	572,618,000	(*)	572,618,000	(*)

- (i) Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited (“Mirae Asset Realty”), a related party, is a limited liability company incorporated under Investment Certificate No. 411022000515 dated 22 April 2010 issued by the People’s Committee of Ho Chi Minh City. Mirae Asset Realty’s principal activities are to provide realty management services. The Company’s investment accounts for 14.99% of Mirae Asset Realty’s charter capital.

- (\*) The Company has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 33/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**8. Allowance for diminution in value of financial assets**

2017	Cost as at 31/12/017 VND	Opening balance as at 1/1/2017 VND	Allowance made during the year VND	Allowance reversed during the year VND	Allowance utilised during the year VND	Closing balance as at 31/12/2017 VND
Margin loans	6,015,606,914	9,613,827,956	-	(3,755,725,042)	-	5,858,102,914
2016	Cost as at 1/1/2016 VND	Opening balance as at 1/1/2016 VND	Allowance made during the year VND	Allowance reversed during the year VND	Allowance utilised during the year VND	Closing balance as at 31/12/2016 VND
Margin loans	77,449,191,733	-	9,613,827,956	-	-	9,613,827,956



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**9. Receivables**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Accrued interest receivables from deposits and HTM investments	39,297,168,052	8,579,201,942
Dividend receivables	363,345,000	-
Receivables from sales of financial assets	134,224,200	-
	<hr/>	<hr/>
	39,794,737,252	8,579,201,942
	<hr/>	<hr/>

**10. Prepaid expenses**

**(a) Short-term prepaid expenses**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tuition fees of expatriates' children	904,145,355	834,505,000
Prepaid expenses for operating leases	101,192,857	405,360,000
Other short-term prepayments	213,851,906	133,689,348
	<hr/>	<hr/>
	1,219,190,118	1,373,554,348
	<hr/>	<hr/>

**(b) Long-term prepaid expenses**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Repair office and maintenance systems	5,986,804,099	891,716,063
Golf club memberships	956,404,634	987,591,690
Office equipment	3,968,852,637	41,945,267
Consultant fee	120,000,000	-
	<hr/>	<hr/>
	11,032,061,370	1,921,253,020
	<hr/>	<hr/>

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Movements of long-term prepaid expenses during the year were as follows:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Opening balance	1,921,253,020	1,645,325,640
Additions during the year	10,877,569,455	1,309,032,432
Amortisation for the year	(1,766,761,105)	(1,033,105,052)
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	11,032,061,370	1,921,253,020
	<hr/>	<hr/>

**11. Tangible fixed assets**

<b>2017</b>	<b>Motor vehicles VND</b>	<b>Office equipment VND</b>	<b>Total VND</b>
<b>Cost</b>			
Opening balance	894,800,000	9,518,111,156	10,412,911,156
Additions	-	5,062,778,441	5,062,778,441
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Closing balance	894,800,000	14,580,889,597	15,475,689,597
<b>Accumulated depreciation</b>			
Opening balance	894,800,000	7,836,666,523	8,731,466,523
Charge for the year	-	784,611,869	784,611,869
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Closing balance	894,800,000	8,621,278,392	9,516,078,392
<b>Net book value</b>			
Opening balance	-	1,681,444,633	1,681,444,633
Closing balance	-	5,959,611,205	5,959,611,205
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**11. Tangible fixed assets (continued)**

2016	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Total VND
<b>Cost</b>			
Opening balance	4,455,869,359	8,947,452,883	13,403,322,242
Additions	-	1,045,382,800	1,045,382,800
Disposals	(3,561,069,359)	(474,724,527)	(4,035,793,886)
Closing balance	894,800,000	9,518,111,156	10,412,911,156
<b>Accumulated depreciation</b>			
Opening balance	4,455,869,359	7,782,379,740	12,238,249,099
Charge for the year	-	529,011,310	529,011,310
Disposals	(3,561,069,359)	(474,724,527)	(4,035,793,886)
Closing balance	894,800,000	7,836,666,523	8,731,466,523
<b>Net book value</b>			
Opening balance	-	1,165,073,143	1,165,073,143
Closing balance	-	1,681,444,633	1,681,444,633

Included in tangible fixed assets were assets costing VND7,934,310,478 which were fully depreciated as at 31 December 2017 (1/1/2017: VND7,934,310,478), but which are still in use.



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**12. Intangible fixed assets**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>Software</b>	<b>Software</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cost</b>		
Opening balance	8,229,447,240	7,729,384,240
Additions	155,864,210	500,063,000
Transfer from construction in progress	911,111,111	-
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	9,296,422,561	8,229,447,240
<b>Accumulated amortisation</b>		
Opening balance	7,754,387,404	6,375,971,845
Charge for the year	277,841,806	1,378,415,559
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	8,032,229,210	7,754,387,404
<b>Net book value</b>		
Opening balance	475,059,836	1,353,412,395
Closing balance	1,264,193,351	475,059,836
	<hr/>	<hr/>

Included in intangible fixed assets were assets costing VND7,729,384,240 which were fully depreciated as at 31 December 2017 (1/1/2017: VND7,729,384,240), but which are still in use.

**13. Construction in progress**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Software	-	911,111,111
	<hr/>	<hr/>



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Movements of construction in progress during the year is as follows:

	<b>2017 VND</b>
Opening balance	911,111,111
Transfer to intangible fixed assets	(911,111,111)
	-
Closing balance	-

**14. Deposits at Payment Support Fund**

	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Deposits at Payment Support Fund	2,840,306,590	2,296,415,266

According to Decision No. 45/QD-VSD dated 22 May 2014 issued by the Vietnam Securities Depository, the Company is required to deposit an initial amount of VND120 million at the Vietnam Securities Depository and an annual contribution of 0.01% of the total value of brokered securities, which are listed and registered for transactions in the Stock Exchanges, in the previous period with the maximum of annual contribution of VND2.5 billion to Payment Support Fund.

Movements of deposits at Payment Support Fund during the year were as follows:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Opening balance	2,296,415,266	2,106,970,104
Additions during the year	412,773,672	66,684,828
Interest income during the year	131,117,652	122,760,334
Closing balance	2,840,306,590	2,296,415,266



Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
(Issued under Circular No. 33/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

**16. Taxes and others receivable from and payable to State Treasury**

**(a) Taxes and others payable to State Treasury**

2017	1/1/2017 VND	Incurred VND	(Paid) VND	31/12/2017 VND
<b>Taxes</b>				
Corporate income tax	-	18,031,798,428	(10,622,160,835)	7,409,637,593
Personal income tax ("PIT") of employees	197,159,685	2,104,687,023	(1,925,425,654)	376,421,054
PIT – investors' securities trading	342,526,637	7,010,720,847	(5,985,484,641)	1,367,762,843
Foreign contractor withholding tax	70,106,239	1,931,474,895	(1,726,959,550)	274,621,584
Other taxes	38,886,313	1,301,444,041	(1,170,653,064)	169,677,290
	648,678,874	30,380,125,234	(21,430,683,744)	9,598,120,364
<b>2016</b>	<b>1/1/2016 VND</b>	<b>Incurred VND</b>	<b>(Paid) VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>Taxes</b>				
PIT of employees	132,873,771	1,496,029,387	(1,431,743,474)	197,159,685
PIT – investors' securities trading	79,273,657	2,406,958,823	(2,143,705,843)	342,526,637
Foreign contractor withholding tax	1,117,884	962,525,247	(893,536,892)	70,106,239
Other taxes	1,967,741	415,221,665	(378,303,093)	38,886,313
	215,233,053	5,280,735,122	(4,847,289,302)	648,678,874

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 33/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(b) Taxes and others receivable from State Treasury	1/1/2017 VND	Incurred VND	(Charged to expenses) VND	31/12/2017 VND
2017	31,583,119			
<b>Other receivables from State Treasury</b>				
Deductible value added tax		-	(816,396)	30,766,723
<b>2016</b>				
<b>Other receivables from State Treasury</b>				
Deductible value added tax	2,772,711	28,810,408	-	31,583,119



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**17. Accrued expenses**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
13 <sup>th</sup> month salaries	8,953,370,737	1,234,828,000
Brokerage commission fees	1,733,377,637	369,913,230
Securities transactions fees	1,306,013,810	383,594,847
Professional fees	937,700,000	210,459,096
Interest expenses	766,669,147	-
Others	1,161,313,048	226,533,141
	<hr/>	<hr/>
	14,858,444,379	2,425,328,314
	<hr/>	<hr/>

**18. Deferred tax assets and liabilities**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Deferred tax assets</b>		
- Tax loss carried forward	-	4,003,465,178
<b>Deferred tax liabilities</b>		
- Revaluation gain on FVTPL financial assets and AFS investments	(8,516,112,099)	(3,284,725,969)
	<hr/>	<hr/>
<b>Net deferred tax (liabilities)/assets</b>	(8,516,112,099)	718,739,209
	<hr/>	<hr/>

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**19. Contributed capital**

The Company's authorised and contributed charter capital are:

	As at 31/12/2017	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	2,000,000,000,000	100%
	As at 1/1/2017	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	700,000,000,000	100%

The parent company, Mirae Asset Securities (HK) Limited (formerly known as Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited), and the ultimate parent company, Mirae Asset Capital Company Limited, are incorporated in Hong Kong and Korea, respectively.

Movements in contributed charter capital during the year were as follows:

	2017 VND	2016 VND
Opening balance	700,000,000,000	300,000,000,000
Capital contribution during the year	1,300,000,000,000	400,000,000,000
Closing balance	2,000,000,000,000	700,000,000,000

On 19 May 2017, the State Securities Commission of Vietnam approved the Company's registration documents to increase its charter capital. On 15 June 2017, the State Securities Commission of Vietnam issued Amended Establishment and Operation Licence No. 24/GPDC-UBCK to approve the increase of the Company's charter capital to VND2,000 billion.

On 16 June 2017, the Company's authorised charter capital has been fully contributed by Mirae Asset Securities (HK) Limited.

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

**20. Revenue from operating activities**

**(a) Gain/(loss) from sales of financial assets at FVTPL and AFS investments**

2017	Quantity	Average selling price VND	Proceeds VND	Total cost VND	Gain from sales of securities VND	Losses from sales of securities VND
<b>Financial assets at FVTPL</b>						
<i>Listed shares</i>						
VJC	2,392,913	97,676	233,730,587,907	222,059,448,526	12,025,560,677	(354,421,296)
VNM	338,840	112,410	38,088,898,000	32,274,993,491	5,983,428,808	(172,322,363)
BVH	65,500	131,817	8,634,046,000	4,827,682,114	3,806,363,886	-
Others	30,800	60,450	1,861,859,000	1,970,067,906	-	(108,208,906)
	1,957,773	94,570	185,145,784,907	182,986,705,015	2,232,969,919	(73,890,027)
<b>AFS investments</b>	<b>1,042,930</b>	<b>17,977</b>	<b>18,748,830,000</b>	<b>17,582,567,685</b>	<b>1,166,262,315</b>	<b>-</b>
SMV	42,930	40,737	1,748,830,000	1,082,567,685	666,262,315	-
HDB	1,000,000	17,000	17,000,000,000	16,500,000,000	500,000,000	-
	3,435,843	492,755	252,479,417,907	239,642,016,211	13,191,822,992	(354,421,296)

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(a) Gain/(loss) from sales of financial assets at FVTPL and AFS investments (continued)

2016	Quantity	Average selling price VND	Proceeds VND	Total cost VND	Gain from sales of securities VND	Loss from sales of securities VND
<b>Financial assets at FVTPL</b>						
<i>Listed shares</i>						
FPT	163,506	45,605	7,456,744,100	6,197,920,650	1,258,823,450	-
MWG	15,500	135,700	2,103,350,000	1,244,000,000	859,350,000	-
REE	148,073	20,609	3,051,700,250	3,644,414,260	-	(592,714,010)
Others	67,027	15,468	1,036,781,576	1,004,732,628	49,078,348	(17,029,400)
	394,106	34,632	13,648,575,926	12,091,067,538	2,167,251,798	(609,743,410)



Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company  
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)

**Form B09 – CTCK**  
(Issued under Circular No. 33/4/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(b) Gain/(loss) from revaluation of financial assets						
2017	Cost VND	Fair value/market value VND	Revaluation differences as at 31/12/2017 VND	Revaluation differences as at 1/1/2017 VND	Revaluation difference charged in 2017 VND	
<b>Financial asset at FVTPL</b>	<b>157,084,317,018</b>	<b>208,548,880,705</b>	<b>51,464,563,687</b>	<b>15,237,833,749</b>	<b>36,226,729,938</b>	
Listed shares	157,084,317,018	208,548,880,705	51,464,563,687	15,237,833,749	36,226,729,938	
<i>In which:</i>						
- Gain on revaluation					37,249,332,811	
- Loss from revaluation					(1,022,602,873)	
<b>AFS investments - SMV</b>	<b>10,516,976,315</b>	<b>15,848,204,000</b>	<b>5,331,227,685</b>	<b>-</b>	<b>5,331,227,685</b>	
2016	Cost VND	Fair value/market value VND	Revaluation differences as at 31/12/2016 VND	Revaluation differences as at 1/1/2016 VND	Revaluation difference charged in 2016 VND	
<b>Financial asset at FVTPL</b>	<b>29,685,230,148</b>	<b>44,923,063,896</b>	<b>15,237,833,748</b>	<b>9,550,493,840</b>	<b>5,687,339,908</b>	
Listed shares	29,685,230,148	44,923,063,896	15,237,833,748	9,550,493,840	5,687,339,908	
<i>In which:</i>						
- Gain on revaluation					5,877,566,124	
- Loss from revaluation					(190,226,216)	

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(c) Dividend, interest income from financial assets FVTPL, HTM investments, loans and receivables**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
From HTM investments	63,785,260,672	19,627,605,571
▪ <i>Income from term deposits</i>	57,965,260,672	19,627,605,571
▪ <i>Income from loans to a related company</i>	5,820,000,000	-
From loans and receivables	63,296,276,787	19,674,024,472
▪ <i>Income from margin activities</i>	57,114,160,221	18,591,166,814
▪ <i>Income from advance services</i>	6,182,116,566	1,082,857,658
From financial assets at FVTPL	2,782,934,350	1,992,199,870
▪ <i>Dividends</i>	2,782,934,350	1,992,199,870
	<hr/>	<hr/>
	129,864,471,809	41,293,829,913
	<hr/>	<hr/>

**(d) Revenue other than gains from financial assets**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Revenue from securities brokerage	48,772,934,400	13,923,091,173
Revenue from financial advisory services	4,065,025,758	4,332,240,263
Revenue from custodian services	1,338,164,771	743,095,279
Other operating income	7,875,126	434,000,000
	<hr/>	<hr/>
	54,184,000,055	19,432,426,715
	<hr/>	<hr/>

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**21. Expenses for securities brokerage**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Employee costs	21,405,794,681	8,092,930,140
Commission expenses	13,284,498,032	2,803,015,580
Brokerage expenses	9,071,125,936	2,850,781,071
Rental expenses	2,359,270,448	1,187,542,388
Computer and other related expenses	2,176,206,085	1,397,849,002
Outside services	1,910,505,997	820,244,846
VAT non-deductible	1,505,699,406	397,089,524
Depreciation and amortisation expenses	733,795,498	1,488,826,950
Public relations expense	528,747,857	345,423,540
Business trip fees	379,948,166	208,617,109
Other expenses	1,749,091,533	668,771,920
	<hr/> 55,104,683,639	<hr/> 20,261,092,070

**22. Financial expenses**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Unrealised losses on foreign exchange differences	730,000,000	-
Other financial expenses	-	110,673
	<hr/> 730,000,000	<hr/> 110,673

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC*  
*dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**23. General and administration expenses**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Employee costs	13,274,307,269	7,575,673,921
Professional service fees	6,582,585,620	1,961,122,498
Rental fees	2,879,461,749	1,711,442,531
Outside services	881,294,363	699,984,563
Entertainment expenses	731,339,630	539,924,745
Taxes and other fees	685,145,778	511,912,255
Transportation expenses	659,685,884	658,113,569
Computer and other related expenses	451,389,105	346,863,293
Depreciation and amortisation expenses	328,658,177	418,599,919
Business trip expenses	281,266,947	318,775,395
Office stationery expenses	52,164,891	37,460,489
Other expenses	1,034,966,119	569,509,316
	<hr/>	<hr/>
	27,842,265,532	15,349,382,494
	<hr/>	<hr/>

**24. Income tax**

**(a) Recognised in the statement of income**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Current tax expenses</b>		
Current year	17,313,059,219	-
<b>Deferred tax expenses/(benefit)</b>		
Origination and reversal of temporary differences	9,234,851,308	(718,739,209)
	<hr/>	<hr/>
Income tax expense	26,547,910,527	(718,739,209)
	<hr/>	<hr/>



**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**(b) Reconciliation of effective tax rate**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Accounting profit before tax	146,397,883,857	20,141,924,473
Tax at the Company's tax rate	29,279,576,771	4,028,384,895
Non-taxable dividend income	(556,586,870)	(398,439,974)
Change in unrecognised temporary differences	1,784,984,746	(1,894,252,434)
Non-deductible expenses	20,831,384	75,318,639
Tax loss utilised	(3,980,895,504)	(2,529,750,335)
	26,547,910,527	(718,739,209)

**(c) Applicable tax rates**

The Company's income tax rate is 20%. The income tax computation is subjected to the review and approval of the tax authorities.

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**25. Significant transactions with related parties**

In addition to the related parties balances disclosed in other notes to the financial statements, the Company had the following transactions with related parties during the year:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Parent company</i>		
<b>Mirae Asset Securities (HK) Limited (formerly known as Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited)</b>		
Capital contribution	1,300,000,000,000	400,000,000,000
Proceed of borrowings	113,450,000,000	-
<i>Other related parties</i>		
<b>Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (formerly known as Mirae Asset Securities Co., Ltd.)</b>		
Income from brokerage securities	3,745,318,254	677,949,531
<b>Mirae Asset Finance (Vietnam) Company</b>		
Payment for loans	190,000,000,000	-
<b>Mirae Asset Global Investment Company</b>		
Income from brokerage securities	-	484,562,546
<b>Mirae Asset Exim Investment Co., Ltd</b>		
Income from custodian services	-	272,578,573
<b>Mirae Asset Realty (Vietnam) Company Limited</b>		
Payment on behalf	368,375,965	63,264,320
<b>Key management personnel – Board of Directors, Board of Supervisors and Board of Management</b>		
Remunerations	2,198,944,000	2,202,775,516

**Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company**  
**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2017 (continued)**

**Form B09 – CTCK**  
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC  
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

**26. Commitments**

*Leases*

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:


	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Within one year	10,112,097,280	2,950,841,300
Within two to five years	27,571,181,200	4,154,560,300
	37,683,278,480	7,105,401,600

**27. Corresponding figures**

Corresponding figures as at 1 January 2017 were derived from the balances and amounts reported in the Company’s financial statements as at and for the year ended 31 December 2016.

30 March 2018

Prepared by:



Ms. Nguyen Hong Quyen  
*Accountant*

Reviewed by:



Ms. Cao Thi Bao Le  
*Chief Accountant*

Approved by:



Mr. Kang Moon Kyung  
*General Director*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



**KANG MOON KYUNG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO**